



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 43

Ngày 05 tháng 07 năm 2024

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

24/06/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 15/2024/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng thuộc Chương trình dự án trên địa bàn tỉnh Sơn La và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi Khoản 1, Điều 1 của quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng thuộc các Chương trình dự án trên địa bàn tỉnh Sơn La.	4
25/06/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 16/2024/QĐ-UBND về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.	6
27/06/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 18/2024/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định giá sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính; cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉnh lý hồ sơ địa chính sử dụng Ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.	9

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

25/06/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 1200/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc vận động, đề xuất, thẩm định, quản lý và giám sát đối với các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sơn La	11
26/06/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 1217/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La	26
27/06/2024	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1225/QĐ-UBND về việc công nhận đô thị Sông Mã (thị trấn Sông Mã mở rộng), huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đạt tiêu chí đô thị loại V	54
28/06/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 1252/QĐ-UBND về việc đính chính văn bản quy phạm pháp luật	56
29/06/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 1258/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đến năm 2030	58
29/06/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 1259/QĐ-UBND về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2030	68
29/06/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 1260/QĐ-UBND về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị (khu vực dự kiến thành lập thị trấn Mường Giàng), huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến năm 2030	79

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2024/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 24 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng thuộc Chương trình dự án trên địa bàn tỉnh Sơn La và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi Khoản 1, Điều 1 của quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng thuộc các Chương trình dự án trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 260/TTr-SNN ngày 14 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ nội dung các Quyết định sau đây:

1. Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng thuộc Chương trình dự án trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi khoản 1, Điều 1 của quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng thuộc các chương trình dự án trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2014 của UBND tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2024/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu
tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
31 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính
phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04
tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc
UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;*

*Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của
Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và
hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc UBND
cấp tỉnh, cấp huyện;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 281/TTr-SNN ngày 25 tháng 6 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; phòng, chống thiên tai; phát triển nông thôn; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là Sở) có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, chịu sự chỉ đạo, quản lý của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và không quá 04 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Ủy viên UBND tỉnh do HĐND tỉnh bầu, là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước HĐND, UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định; phối hợp với Giám đốc Sở khác, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở.

b) Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở phụ trách một số lĩnh vực chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền điều hành các hoạt động của Sở.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở:

a) Các tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ:

- Văn phòng;
- Thanh tra;
- Phòng Tổ chức cán bộ;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Phòng Phát triển nông thôn;
- Phòng Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.

b) Các chi cục trực thuộc Sở:

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Chi cục Thủy lợi;

c) Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở:

- Trung tâm Khuyến nông;
- Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản;
- Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

d) Văn phòng Điều phối nông thôn mới (*giúp việc cho Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh*).

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và thay thế Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2024/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định giá sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính; cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉnh lý hồ sơ địa chính sử dụng Ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 349/TTr-STNMT ngày 04 tháng 6 năm 2024; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 120/BC-STP ngày 05 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định giá sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính; cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉnh lý hồ sơ địa chính sử dụng Ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1200/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc vận động, đề xuất, thẩm định, quản lý và giám sát đối với các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quản lý tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 233/TTrSKHĐT ngày 19 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc vận động, đề xuất, thẩm định, quản lý và giám sát đối với các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sơn La”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa các cơ quan trong việc vận động, đề xuất,
thẩm định, quản lý và giám sát đối với các chương trình, dự án,
phi dự án, hỗ trợ ngân sách sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi
của nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sơn La**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1200/QĐ-UBND
ngày 25/6/2024 của UBND tỉnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về nguyên tắc, trách nhiệm chủ trì, phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án trong giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến vận động, đề xuất, thẩm định và quản lý, giám sát các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2

1. Các cơ quan quản lý nhà nước bao gồm các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

2. Các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến triển khai các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Mục tiêu phối hợp

1. Nâng cao hiệu quả công tác vận động, đề xuất, thẩm định, quản lý và giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước đối với các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh;

2. Đảm bảo đồng bộ, thống nhất về các nội dung từ bước vận động đề xuất dự án đến thực hiện các thủ tục về đề xuất, thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định, quyết định đầu tư, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách, quản lý tài chính, quản lý thực hiện dự án đầu tư; hoàn thành, chuyển giao kết quả... theo quy định.

3. Đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn và rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục hành chính thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc và phương thức phối hợp

1. Nội dung chủ trì, phối hợp phải đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ trì, phối hợp.
2. Bảo đảm thực hiện đúng các quy định của pháp luật.
3. Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp.
4. Bảo đảm yêu cầu về chuyên môn, chất lượng và tiến độ thời gian trong quá trình phối hợp.
5. Đề cao trách nhiệm cá nhân của Thủ trưởng cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cán bộ, công chức được tham gia phối hợp.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với cơ quan phối hợp, thành viên Hội đồng thẩm định (*đối với các chương trình, dự án nhóm A, B, C, phi dự án, hỗ trợ ngân sách*)

- Cơ quan chủ trì gửi văn bản, hồ sơ (*nếu có*) cho cơ quan phối hợp, thành viên Hội đồng thẩm định và phải xác định rõ thời gian, những nội dung cụ thể cần xin ý kiến đối với từng cơ quan.

- Thời gian để trả lời ý kiến phải đảm bảo để cơ quan phối hợp, thành viên Hội đồng thẩm định nghiên cứu và trả lời (tối thiểu là 3 ngày làm việc). Đối với các những nội dung, thủ tục hành chính đã quy định thời hạn giải quyết và thời gian trả lời ý kiến tham gia thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và quy định về rút gọn thời gian của tỉnh.

- Cơ quan phối hợp, thành viên Hội đồng thẩm định phải chấp hành tiến độ thời gian trong việc tham gia ý kiến theo đề nghị của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về ý kiến của mình trước UBND tỉnh và trước pháp luật (*không áp dụng quy định nếu quá thời hạn quy định mà cơ quan được hỏi không có ý kiến thì coi như đồng ý*).

- Trường hợp cơ quan chủ trì không tiếp thu ý kiến của cơ quan phối hợp thì phải giải thích rõ lý do, thông báo bằng văn bản cho cơ quan phối hợp biết và phải chịu trách nhiệm về ý kiến đề xuất của mình.

2. Hình thức lấy ý kiến tại hội nghị họp tư vấn liên ngành, họp Hội đồng thẩm định

- Cơ quan chủ trì phải gửi cơ quan phối hợp, thành viên Hội đồng thẩm định hồ sơ, tài liệu có liên quan và các vấn đề cần xin ý kiến tại cuộc họp chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày họp để kịp thời nghiên cứu, có ý kiến góp ý tại cuộc họp.

- Thủ trưởng cơ quan phối hợp có trách nhiệm tham gia họp hoặc cử thành viên tham gia theo đúng thành phần và yêu cầu của cơ quan chủ trì; có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ có liên quan đến nội dung quản lý nhà nước; chịu trách nhiệm về

các ý kiến phát biểu tại cuộc họp của Cơ quan, đơn vị mình; có quyền yêu cầu cơ quan chủ trì cung cấp tài liệu bổ sung, hoặc giải trình các nội dung chưa rõ để tham gia đầy đủ ý kiến về nội dung yêu cầu (*ý kiến của người dự họp được xem là ý kiến chính thức của Cơ quan, đơn vị mà mình đại diện*).

- Trường hợp tại cuộc họp có phát sinh những nội dung mới do các Cơ quan khác cung cấp mà người được cử dự họp không quyết định được thì trong thời hạn 03 ngày làm việc sau ngày họp, thủ trưởng đơn vị, thủ trưởng các đơn vị, thành viên Hội đồng thẩm định phải có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi Cơ quan chủ trì.

- Nội dung các cuộc họp phải được cơ quan chủ trì lập biên bản để lưu hồ sơ (*Biên bản ghi đầy đủ thành phần tham gia/không tham gia, ý kiến phát biểu của người tham dự họp và ghi rõ nội dung thống nhất giải quyết*). Biên bản họp là một trong các thành phần hồ sơ để Cơ quan chủ trì tổng hợp trình/báo cáo cấp có thẩm quyền, Biên bản do Chủ tọa và đại diện các đơn vị dự họp ký xác nhận, biên bản được sao gửi cho các cơ quan phối hợp để thực hiện công tác phối hợp.

3. Khảo sát thực địa phục vụ công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi tiến hành kiểm tra, khảo sát thực địa, cơ quan chủ trì gửi giấy mời cho các cơ quan phối hợp tham gia kiểm tra, khảo sát thực địa. Trong giấy mời ghi rõ: Thời gian, địa điểm, nội dung chính của chương trình khảo sát thực địa và thành phần tham dự.

- Thủ trưởng cơ quan phối hợp cử cán bộ công chức tham gia đoàn công tác theo đúng thành phần và yêu cầu của cơ quan chủ trì; chịu trách nhiệm về các ý kiến phát biểu tại cuộc làm việc. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan tham gia phối hợp căn cứ vào nội dung kiểm tra, khảo sát có ý kiến bằng văn bản sau cuộc làm việc liên ngành (*thời gian không quá 03 ngày làm việc sau khi kết thúc cuộc kiểm tra, khảo sát*).

- Nội dung cuộc khảo sát thực địa, kiểm tra liên ngành được cơ quan chủ trì lập thành biên bản, lưu hồ sơ (*Biên bản ghi đầy đủ thành phần tham gia/không tham gia, ý kiến phát biểu của người tham gia khảo sát thực địa, kiểm tra và ghi rõ nội dung thống nhất giải quyết*). Biên bản làm việc là một trong các thành phần hồ sơ để Cơ quan chủ trì tổng hợp trình/báo cáo cấp có thẩm quyền, Biên bản do Chủ tọa và đại diện các đơn vị dự họp ký xác nhận, biên bản được sao gửi cho các cơ quan phối hợp để thực hiện công tác phối hợp.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN

Điều 6. Các nội dung phối hợp

1. Công tác vận động, đề xuất các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách.

2. Công tác thẩm định đề xuất dự án, thẩm định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi; thẩm định chủ trương thực hiện và phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại; thẩm định các nội dung về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, tài chính, đất đai, môi trường, tài nguyên, xây dựng ... và các nội dung theo từng lĩnh vực chuyên ngành theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 và pháp luật có liên quan.

3. Công tác quản lý tài chính, xử lý nợ công.

4. Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động các chương trình, dự án đầu tư theo các quy định về quản lý, giám sát, đánh giá đầu tư.

5. Công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong thực hiện các quy trình thủ tục, triển khai thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách theo quy định.

6. Công tác thông tin, báo cáo, trao đổi, phối hợp với các Nhà tài trợ nước ngoài và các Bộ, Ban, ngành Trung ương trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách.

7. Công tác tham mưu đánh giá và xây dựng định hướng thu hút và quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài.

Điều 7. Trách nhiệm chung

1. Cơ quan chủ trì trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm đề nghị bằng văn bản (trường hợp khẩn có thể thông tin trực tiếp với thủ trưởng cơ quan phối hợp; sau khi thông tin trực tiếp, cơ quan chủ trì có văn bản gửi cơ quan phối hợp) đề yêu cầu, đề nghị thực hiện nhiệm vụ có liên quan cần phối hợp.

2. Cơ quan phối hợp có trách nhiệm tham gia ý kiến kịp thời, đầy đủ các nội dung có liên quan theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao; kết hợp cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, dữ liệu kèm theo và các vấn đề khác có liên quan (nếu có) liên quan chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành quản lý Nhà nước; địa bàn được giao quản lý theo quy định.

3. Các cơ quan (cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp) có trách nhiệm đảm bảo về thời gian xử lý và thời hạn theo yêu cầu.

4. Về việc vận động, đề xuất; tham dự các hội nghị, hội thảo, họp tư vấn, chương trình khảo sát thực địa; thông tin, báo cáo, trao đổi, phối hợp với các Nhà tài trợ nước ngoài và các Bộ, ban, ngành Trung ương trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách:

- Các cơ quan quản lý Nhà nước, Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án thực hiện việc vận động, đề xuất các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách; thông tin, báo cáo, trao đổi, phối hợp với các Nhà tài trợ nước ngoài và các Bộ, Ban, ngành Trung ương theo đúng phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, theo yêu cầu cụ thể của Nhà tài trợ, các Bộ, ban, ngành Trung ương, hoặc theo phân công cụ thể của UBND tỉnh. Trường hợp cần thiết phải báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo tổ chức thực hiện.

- Các cơ quan quản lý Nhà nước, Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án có trách nhiệm gửi nội dung các Văn bản trao đổi; Báo cáo kết quả hội nghị, hội thảo, họp tư vấn bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận/ phát hành văn bản; kết thúc hội nghị, hội thảo, cuộc họp tư vấn, chương trình khảo sát thực địa. Các văn bản trao đổi với các Nhà tài trợ nước ngoài bằng tiếng nước ngoài phải được dịch song ngữ hoặc phiên dịch ra tiếng Việt.

- Các cơ quan quản lý Nhà nước, Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về các nội dung trao đổi, ý kiến tham gia bằng văn bản; ý kiến tại các cuộc họp; các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp cho các Nhà tài trợ, các Bộ, ban, ngành Trung ương. Trường hợp cần thiết phải xin ý kiến các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị liên quan theo từng lĩnh vực, địa bàn quản lý; báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi thực hiện.

Điều 8. Nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể của các cơ quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Là Đơn vị đầu mối quản lý, theo dõi, hướng dẫn quá trình triển khai thực hiện đầu tư các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách; chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài; chủ trì thực hiện công tác giám sát, đánh giá thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách; đầu mối tổng hợp, tham mưu thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác vận động, đề xuất, quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các sở, ban, ngành xây dựng danh mục và nội dung các chương trình, dự án, tổng hợp danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trình UBND tỉnh phê duyệt và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định tham mưu cho cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương thực hiện các khoản viện trợ ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Chủ trì tham mưu HĐTĐ cấp tỉnh thực hiện công tác thẩm định và trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn

ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý; thẩm định các nội dung (*nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách địa phương, thẩm định nội bộ...*), phương án cân đối nguồn vốn trả nợ từ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Chủ trì hướng dẫn, tổng hợp, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm. Tham mưu cân đối, theo dõi, điều chỉnh vốn đầu tư nguồn các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, tổng hợp nhu cầu và đề xuất vốn đối ứng cho các dự án ODA theo kế hoạch trung hạn và hàng năm; định kỳ đánh giá tình hình phân bổ và giải ngân kế hoạch đầu tư công, kịp thời tham mưu đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

- Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư/dự án điều chỉnh không có cấu phần xây dựng do cấp tỉnh quản lý trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; phối hợp tham gia ý kiến thẩm định phê duyệt các dự án có cấu phần xây dựng khi được các sở chuyên ngành xin ý kiến.

- Tổ chức thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; hướng dẫn thực hiện công tác đấu thầu các dự án theo quy định của Luật Đấu thầu.

- Đầu mối tổng hợp các khó khăn vướng mắc trong triển khai thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách; chủ trì tham mưu giải quyết các vướng mắc về thủ tục đầu tư, kế hoạch đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021, Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2023.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi. Tham gia ý kiến về sự phù hợp của các chương trình, dự án với khả năng vay nợ của Ngân sách tỉnh; cơ chế tài chính trong nước, kế hoạch vay lại, trả nợ gốc và phương án chi trả các khoản lãi vay, các khoản phí theo quy định đối với các chương trình, dự án do UBND tỉnh vay lại nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh phối hợp với các Bộ, ban ngành Trung ương trong việc đàm phán, ký kết các Hiệp định vay, viện trợ; xây dựng dự thảo, thực hiện đàm phán, ký kết các Thỏa thuận riêng, Hợp đồng vay lại theo quy định.

- Chủ trì hướng dẫn Chủ đầu tư, Ban quản lý các chương trình, dự án về các nội dung liên quan đến quản lý tài chính thuộc lĩnh vực ngành quản lý; hướng dẫn thực hiện thủ tục vay lại các chương trình, dự án áp dụng cơ chế ngân sách nhà nước cho vay lại; nhập dự toán hàng năm trên hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc theo quy định; thẩm định và trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Chủ trì tham mưu giải quyết các các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị liên quan đến lĩnh vực ngành. Kết quả giải quyết gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp các khó khăn vướng mắc và kết quả giải quyết trong thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án.

- Đầu mối tổng hợp, tham mưu thực hiện chế độ thông tin báo cáo về tình hình vay, trả nợ của chính quyền địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

- Phối hợp thực hiện công tác theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách theo quy định.

3. Kho bạc nhà nước tỉnh

- Chủ trì hướng dẫn Chủ đầu tư, Ban Quản lý các chương trình, dự án thực hiện các thủ tục giải ngân, thanh toán, quyết toán các nguồn vốn; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

- Thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn theo Quyết định này và các quy định hiện hành. Trường hợp có những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến nguồn vốn thanh toán, Kho bạc Nhà nước tỉnh kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, xử lý.

- Định kỳ hằng tháng tổng hợp, gửi báo cáo tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn hàng năm về Kho bạc Nhà nước Trung ương, Bộ Tài chính, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

4. Các sở chuyên ngành (Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải)

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài.

- Chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin về quy hoạch, định hướng, kế hoạch phát triển theo chuyên ngành, các chỉ tiêu, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực được giao quản lý.

- Chủ trì thẩm định các dự án/điều chỉnh dự án có cấu phần xây dựng trên địa bàn tỉnh đối với lĩnh vực chuyên ngành quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tham gia thẩm định đề xuất dự án, chủ trương đầu tư cho ý kiến về sự phù hợp của các chương trình, dự án đối với các quy hoạch chuyên ngành, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực được giao phụ trách, các nội dung quản lý về kỹ thuật theo chuyên ngành quản lý.

- Hướng dẫn và giải quyết các thủ tục liên quan đến lập, thẩm định, phê duyệt dự án, cấp phép thuộc thẩm quyền quản lý; Hướng dẫn thực hiện các thủ tục về quản lý chi phí, kỹ thuật và quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Chủ trì tham mưu giải quyết các các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị liên quan đến lĩnh vực ngành. Kết quả giải quyết gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp các khó khăn vướng mắc và kết quả giải quyết trong thực hiện các chương trình, dự án.

- Phối hợp thực hiện công tác theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách theo quy định.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài.

- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các cơ chế chính sách quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, tài nguyên, môi trường.

- Phối hợp thẩm định đề xuất dự án, đề xuất chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án về sự phù hợp của các chương trình, dự án đối với các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Nhu cầu sử dụng đất và các thủ tục về đất đai theo quy định của Luật Đất đai và pháp luật có liên quan; cho ý kiến thẩm định đối với đánh giá sơ bộ tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Các thủ tục về quản lý khoáng sản, tài nguyên, môi trường theo chuyên ngành quản lý.

- Hướng dẫn các thủ tục về đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên theo quy định đối với từng chương trình, dự án.

- Chủ trì tham mưu giải quyết các các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị liên quan đến lĩnh vực ngành. Kết quả giải quyết gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp các khó khăn vướng mắc và kết quả giải quyết trong thực hiện các chương trình, dự án.

- Phối hợp thực hiện công tác theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách theo quy định.

6. Sở Ngoại vụ

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài.

- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, hướng dẫn thủ tục đối với các đoàn công tác, chuyên gia người nước ngoài vào địa bàn tỉnh để thực hiện các nội dung trong khuôn khổ các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Tham gia phối hợp thực hiện công tác vận động viện trợ, tài trợ, vay vốn, làm việc với Bộ Ngoại giao, các Đại sứ quán và các Tổ chức quốc tế, Nhà tài trợ.

- Chủ trì tham mưu giải quyết các các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị liên quan đến lĩnh vực ngành. Kết quả giải quyết gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp các khó khăn vướng mắc và kết quả giải quyết trong thực hiện dự án.

- Phối hợp thực hiện công tác theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách theo quy định.

7. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được giao làm chủ đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, quyết định thành lập, kiện toàn, sát nhập, giải thể các Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý các chương trình, dự án (*trong trường hợp phải thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý đối với một chương trình, dự án, phi dự án*) phù hợp quy định của pháp luật, các Điều ước quốc tế, Hiệp định, Thỏa thuận riêng giữa Nhà tài trợ với UBND tỉnh và theo yêu cầu cụ thể của Nhà tài trợ.

8. Các sở, ban, ngành và cơ quan đơn vị có liên quan

- Theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực được giao theo dõi quản lý, tham gia thực hiện cung cấp thông tin, thẩm định, hướng dẫn thực hiện các thủ tục hành chính các nội dung thuộc chuyên ngành quản lý.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài; công tác thẩm định đề xuất dự án, chủ trương đầu tư, thẩm định dự án, đối với các nội dung có liên quan.

- Phối hợp thực hiện công tác theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án theo quy định.

9. Cơ quan Thuế

- Hướng dẫn thực hiện các thủ tục về quản lý thuế theo quy định.

- Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp thuế (nếu có) theo quy định.

10. UBND các huyện, thành phố

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài; công tác thẩm định đề xuất dự án, chủ trương đầu tư, thẩm định dự án, đối với các nội dung có liên quan.

dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài; xây dựng các chính sách, biện pháp điều phối và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

- Cung cấp, giới thiệu các thông tin về quy hoạch, định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương theo phân cấp.

- Hướng dẫn và giải quyết các thủ tục liên quan về quy hoạch, đất đai, xây dựng trên địa bàn theo thẩm quyền.

- Phối hợp thẩm định đề xuất dự án, đề xuất chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án về sự phù hợp của các chương trình, dự án về nhu cầu, sự cần thiết của các chương trình, dự án; sự phù hợp về quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương; rà soát, đối chiếu với các chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn huyện, thành phố.

- Thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư, chủ trì thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, thực hiện thu hồi đất theo thẩm quyền; giải quyết các vướng mắc liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư để đảm bảo tiến độ của dự án.

- Phối hợp thực hiện công tác theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách theo quy định.

11. Ban Quản lý các dự án ODA

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trong công tác vận động sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; chuẩn bị đề xuất dự án theo định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; tham mưu cho UBND tỉnh trong công tác thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được giao làm chủ đầu tư, đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các Điều ước quốc tế, Hiệp định, Thỏa thuận riêng và yêu cầu cụ thể của các Nhà tài trợ.

- Tiếp nhận, quản lý và vận hành, khai thác, sử dụng các công trình, kết cấu hạ tầng, các công trình văn hóa, các loại phương tiện chuyên dụng và tài sản hình thành sau đầu tư của các chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

- Phối hợp thực hiện công tác theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách theo quy định.

12. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Rà soát thẩm tra về thể thức văn bản, các căn cứ pháp lý, nội dung thẩm định các chương trình, dự án, phi dự án trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét theo thẩm quyền.

- Khâu nối, chuẩn bị các nội dung tài liệu báo cáo Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy, HĐND theo quy chế làm việc của từng đơn vị theo yêu cầu.

- Phối hợp với các Chủ đầu tư, Ban Quản lý các chương trình, dự án hỗ trợ, tổ chức đón tiếp các đoàn công tác, chuyên gia của Nhà tài trợ, các Bộ, ban ngành Trung ương trong thời gian công tác, làm việc tại tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện trong giải quyết khó khăn vướng mắc, việc áp dụng cơ chế chính sách phù hợp quy định của pháp luật.

- Sao gửi Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, Hiệp định, Thỏa thuận riêng, Văn kiện dự án, Quyết định phê duyệt kèm Kế hoạch tổng thể, Kế hoạch thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án hằng năm và các Văn bản của Nhà tài trợ đến các Bộ ngành, các sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố có liên quan để đôn đốc triển khai thực hiện chương trình, dự án, phi dự án theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị được giao làm Chủ đầu tư

- Tham mưu tổ chức vận động các nguồn vốn, đề xuất các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài khi được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

- Quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được giao làm chủ đầu tư, đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các Điều ước quốc tế, Hiệp định, Thỏa thuận riêng và yêu cầu cụ thể của các Nhà tài trợ.

- Tham mưu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch tổng thể, Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án, phi dự án hằng năm và thực hiện công tác báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài để phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án, phi dự án.

- Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân thanh toán về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; báo cáo tình hình rút vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ, kèm theo chứng từ gửi Sở Tài chính theo quy định; báo cáo trực tuyến trên Hệ thống thông tin về đầu tư công (<https://dautucong.mpi.gov.vn>) và báo cáo bằng văn bản theo đề nghị của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Tài chính và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Công tác kiểm tra

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chủ trì kiểm tra đối với các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
2. Trong trường hợp tổ chức kiểm tra liên ngành, theo nhiệm vụ được giao cơ quan chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện, thành phố có liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch kiểm tra để tổ chức kiểm tra.
3. Các cơ quan chủ trì quyết định việc kiểm tra đột xuất đối với các chương trình, dự án, phi dự án khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân hoặc theo yêu cầu của cấp trên.
4. Kết quả kiểm tra được cơ quan chủ trì lập biên bản và tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, kết quả xử lý được sao gửi các cơ quan liên quan để nắm tiến độ và phối hợp xử lý.

Điều 11. Thực hiện giám sát

1. Chủ đầu tư tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách theo quy định về giám sát, đánh giá chương trình dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định.
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo dõi, kiểm tra chương trình, dự án trong phạm vi quản lý. Việc kiểm tra được thực hiện ít nhất một lần đối với mỗi chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách.
3. Các sở ban ngành theo chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện giám sát, đánh giá quá trình thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách theo các nội dung đã được cấp có thẩm quyền cho phép. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chủ trì tổ chức kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất đối với lĩnh vực được phân công.
4. UBND cấp huyện, thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn; chủ động phối hợp với các sở, ngành, cấp ủy, mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và nhân nhân thường xuyên giám sát quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách theo quy định hiện hành. Kịp thời xử lý, đề xuất cấp thẩm quyền các giải pháp để giải quyết các vướng mắc, tồn tại qua quá trình giám sát theo quy định.
5. UBND cấp xã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cấp xã, giám sát nhà đầu tư trong việc tuân thủ các quy định về đất đai, môi trường và sử dụng tài nguyên đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chức năng giám sát cộng đồng theo quy định cho từng chương trình, dự án, phi dự án. Xác nhận các phản ánh, kiến nghị của cộng đồng trước khi gửi các cơ quan chức năng và có thẩm quyền theo yêu cầu.

7. Các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách theo quy định của các Điều ước quốc tế, Hiệp định, Thỏa thuận riêng giữa Nhà tài trợ với UBND tỉnh và theo yêu cầu cụ thể của Nhà tài trợ.

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình vận động, đề xuất, thực hiện chương trình, dự án, phi dự án, hỗ trợ ngân sách giải ngân thanh toán các nguồn vốn theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn; các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan và khi được yêu cầu.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các chế độ thông tin, báo cáo thuộc lĩnh vực kế hoạch - đầu tư.

3. Sở Tài chính là đầu mối tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các chế độ thông tin, báo cáo thuộc lĩnh vực tài chính ngân sách.

Điều 13. Xử lý vi phạm

Đơn vị, tổ chức, cá nhân của các cơ quan phối hợp vi phạm các quy định của quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các Chủ đầu tư, Ban Quản lý các chương trình, dự án, phi dự án căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phân công nội bộ, phối hợp tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung quy định phối hợp và các quy định hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh.

2. Các nội dung khác thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng các văn bản mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trong việc triển khai thực Quy định này. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân và các nhà đầu tư phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1217/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức
và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, Công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, Công chức và Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

Căn cứ Nghị quyết số 341/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của HĐND tỉnh Sơn La về việc Thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Sơn La tại Tờ trình số 37- TTr/HNDT ngày 19 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La, trực thuộc Hội Nông dân tỉnh Sơn La (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Hội Nông

dân tỉnh, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Sơn La; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Kiến toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La
(Kèm theo Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của UBND tỉnh)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT KIẾN TOÀN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH SƠN LA

I. MỤC TIÊU, SỰ CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA VIỆC TIẾP TỤC TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN; NHU CẦU HỖ TRỢ NÔNG DÂN TẠI TỈNH

1. Mục tiêu

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, hỗ trợ hội viên nông dân xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân; thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác, các mô hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy vai trò nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội, góp phần xây dựng nội nông dân ngày càng vững mạnh; tổ chức tốt và nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào nông dân, nhất là phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; phong trào thi đua “Cán bộ, hội viên nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể”; phát huy vai trò nòng cốt của hội nông dân trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

2. Sự cần thiết và tính khả thi

Đảng ta đã xác định nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí, vai trò to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ tổ quốc; cũng như trong thời kỳ đổi mới và phát triển kinh tế của đất nước. Vì vậy, phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người nông dân là nhiệm vụ chiến lược, là cơ sở để đảm bảo ổn định phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định “*Nông nghiệp có bước chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng và hiệu quả, tiếp tục là trụ đỡ của nền kinh tế; kinh tế nông thôn tiếp tục phát triển; chương trình xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả quan trọng, hoàn thành sớm hơn gần hai năm so với kế hoạch đề ra, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn và đời sống nông dân*”.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV đã xác định mục tiêu đó là xây dựng tỉnh Sơn La phát triển xanh, nhanh và bền vững, điều đó đặt ra nhiều yêu cầu nhiệm vụ đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Hiện nay, nông nghiệp tỉnh Sơn La tiếp tục phát triển cả về quy mô và trình độ sản xuất, duy trì tăng trưởng ở mức khá cao. Sản xuất kinh doanh nông nghiệp phát triển mạnh theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng, phát triển một số ngành nghề nông nghiệp gắn liền với du lịch của từng địa phương.

Công tác xây dựng Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La những năm qua đã đạt được một số kết quả khả quan, nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân trở thành công cụ, điều kiện quan trọng để Hội Nông dân trực tiếp hỗ trợ hội viên nông dân thiếu vốn để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm tạo việc làm, cải thiện đời sống; xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế nhằm nâng cao quy mô sản xuất; thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp để tạo ra các loại nông sản hàng hóa, dịch vụ đạt chất lượng, hiệu quả cao; tạo điều kiện để Hội Nông dân đẩy mạnh hoạt động, tuyên truyền, tập hợp nông dân, thực hiện thắng lợi các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sơn La đối với phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân và xây dựng Hội vững mạnh.

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La từ khi thành lập đến nay vẫn tiếp tục thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân mang lại về chính trị, kinh tế, xã hội, thúc đẩy công tác xây dựng Hội và các phong trào nông dân rõ nét, nhất là phong trào Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững do Hội Nông dân phát động hằng năm. Góp phần tham gia chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở địa phương, theo định hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Đến nay, Quỹ Hỗ trợ nông dân tiếp tục khẳng định được vai trò trong việc kết nối, tập hợp hội viên nông dân cùng ngành nghề, lợi ích, chí hướng thoát nghèo, vươn lên làm giàu; hỗ trợ vốn cho hội viên nông dân tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh, liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm, tham gia chuyển dịch cơ cấu kinh tế, song song quan tâm hỗ trợ vốn cho các mô hình sản xuất nông nghiệp của nông dân trẻ khởi nghiệp, thành viên các tổ hợp tác, một số nông dân sản xuất kinh doanh giỏi sử dụng vốn có hiệu quả đã mở rộng quy mô. Việc xây dựng nhóm hộ cho vay đã phát huy thế mạnh ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của địa phương để xây dựng Chi, Tổ hội nông dân nghề nghiệp phù hợp, đảm bảo theo tiêu chí “5 tự”: tự nguyện, tự giác, tự chủ, tự quản, tự chịu trách nhiệm và “5 cùng”: cùng lĩnh vực lao động, ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; cùng mối quan tâm; cùng có sự chia sẻ; cùng trách nhiệm và cùng hưởng lợi do Hội Nông dân phát động đồng thời làm nền tảng cho việc thành lập tổ hợp tác, Hợp tác xã theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

Quỹ Hỗ trợ nông dân có những ưu điểm như sau: (1) Bộ máy tổ chức gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phần lớn chênh lệch thu chi từ hoạt động của Quỹ được sử dụng để bổ sung vốn hoạt động, tiếp tục cho vay quay vòng; (2) Cách thức tổ chức hoạt động cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân đơn giản nhưng hiệu quả nhờ tận dụng lợi thế mạng lưới rộng khắp của tổ chức Hội Nông dân các cấp. Chất lượng cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân được đảm bảo, tỷ lệ nợ xấu thấp; (3) Cán bộ, công chức của Hội Nông dân thực hiện công tác của Quỹ Hỗ trợ nông dân, nhiệt tình, đã phát huy lợi thế nắm rõ địa bàn, thẩm định cho vay sát thực tế, thường xuyên theo dõi các hộ vay vốn sử dụng vốn vay đảm bảo đúng mục đích, quản lý vốn vay hiệu quả; Quỹ Hỗ trợ nông dân của tỉnh đã hỗ trợ vốn cho nông dân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, từng bước xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, đưa ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống của nông dân và thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Có thể nói, hiệu quả của nguồn Quỹ Hỗ trợ nông dân đã và đang trở thành điểm tựa giúp hội viên, nông dân trên địa bàn tỉnh đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập, giải quyết việc làm, góp phần vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng nông thôn mới của địa phương.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, ngành nông nghiệp tỉnh Sơn La vẫn chưa phát triển bền vững; các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp chậm đổi mới, tình trạng sản xuất nhỏ, phân tán còn phổ biến, sức cạnh tranh chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế; việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ cao có mặt còn hạn chế; xây dựng nông thôn mới chưa đồng đều,... Nguyên nhân của những hạn chế chủ yếu là: do nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn chưa thật đầy đủ, đúng mức; có lúc, có nơi cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền còn thiếu chủ động, trông chờ, ỷ lại, chưa sâu sát, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghị quyết; sự phối hợp giữa các sở, ban ngành liên quan thiếu chặt chẽ; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, hệ thống dịch vụ công chưa theo kịp yêu cầu phát triển; Đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân trên địa bàn tỉnh, đa số không được đào tạo chuyên môn về nghiệp vụ tài chính, ngân hàng và thường xuyên phải luân chuyển, không ổn định. Một số cơ chế, chính sách ban hành, chưa sát thực tiễn, thiếu nguồn lực thực hiện, nhất là về nguồn vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp chưa theo kịp so với nhu cầu phát triển. Hiện nay nhu cầu vay vốn trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn rất lớn nhưng thực tế việc tiếp cận được nguồn vốn còn rất hạn chế, nhất là nông dân khu vực kinh tế hộ không đủ điều kiện vay vốn từ các Ngân hàng thương mại theo chính sách của Nhà nước đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp.

Trong những năm qua Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được UBND tỉnh thường xuyên quan tâm cấp bổ sung nguồn vốn từ ngân sách; nhưng với trên 170 nghìn hội viên nông dân, thì nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân mới chỉ đáp ứng được phần rất nhỏ về vốn của hội viên nông dân; quy mô cho vay vốn còn thấp (bình quân 50 triệu đồng/hộ); tỷ lệ tăng trưởng hàng năm không đồng đều.

Để hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân được chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu càng ngày càng cao về số lượng, chất lượng tín dụng. Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ được ban hành để hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân ngày càng phát huy hiệu quả và hoạt động theo đúng quy định pháp luật, việc kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La là hết sức quan trọng nhằm đáp ứng trong quá trình phát triển giai đoạn mới.

3. Nhu cầu hỗ trợ vốn của nông dân trong tỉnh

Toàn tỉnh, hiện có trên 170 nghìn hội viên nông dân sinh hoạt ở 2.248 chi hội nông dân, 199 cơ sở hội; trên 30.000 hộ nông dân đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi các cấp. Hiện nay nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân mới chỉ đáp ứng được nhu cầu vay vốn của khoảng 2% số hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, 10% mô hình kinh tế tập thể do Hội Nông dân trực tiếp hướng dẫn được hỗ trợ nguồn vốn Quỹ, 35% Hội nông dân cơ sở được thụ hưởng nguồn vốn Quỹ. Thực tế các mô hình kinh tế tập thể rất khó khăn trong việc tiếp cận được nguồn vốn tín dụng chính sách hỗ trợ từ các ngân hàng vì không bảo đảm các tiêu chí được vay vốn, do đó Quỹ Hỗ trợ nông dân thực sự là kênh dẫn vốn tín dụng quan trọng để hội nông dân các cấp hiện thực hoá chủ trương chính sách hỗ trợ tín dụng của Đảng, Nhà nước đối với nông dân.

4. Đánh giá tác động của việc kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

4.1. Về mặt kinh tế

Tạo điều kiện cho hội viên nông dân được vay vốn thuận lợi, với lãi suất ưu đãi. Với nguồn tài chính dễ tiếp cận các hộ nông dân sẽ phát huy hiệu quả nguồn vốn, đầu tư sản xuất kinh doanh, mở rộng ngành nghề, tham gia các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, khai thác tiềm năng thế mạnh ở từng địa phương, tạo ra nông sản hàng hóa, dịch vụ chất lượng, hiệu quả cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

Giải quyết được vấn đề việc làm của nông dân, thu hút được đông đảo lực lượng lao động dồi dào khu vực nông thôn tham gia sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Hỗ trợ các hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi mạnh dạn đầu tư, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, chuỗi giá trị sản phẩm bền vững; xây dựng và nhân rộng các mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến, tạo sự lan toả trong kinh tế nông nghiệp.

4.2. Về chính trị - xã hội

Duy trì và phát triển một kênh hỗ trợ tín dụng ưu đãi hết sức quan trọng về nguồn vốn đối với hội viên, nông dân góp phần hiện thực hoá chủ trương của

Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế hộ, kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, góp phần khẳng định chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước trong phát triển đất nước, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm bình đẳng về cơ hội tiếp cận và được thụ hưởng thành quả của phát triển kinh tế - xã hội, không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

Tăng cường tình đoàn kết, chia sẻ, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong hội viên, nông dân, tạo sự ổn định xã hội ở nông thôn; hạn chế chuyển dịch lao động từ nông thôn ra thành phố; thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của tổ chức hội nông dân, thực hiện tốt giải pháp về nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, hỗ trợ vốn cho nông dân, mở rộng mô hình hội nông dân tín chấp cho nông dân vay vốn phát triển sản xuất, góp phần đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Hội theo hướng thiết thực, hiệu quả; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Hội; khẳng định vai trò trung tâm, nòng cốt của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Như vậy, với những lợi ích đem lại cho người nông dân và tổ chức hội nông dân cũng như những tác động chính trị - xã hội, có thể khẳng định việc kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La là giải pháp cơ bản, quan trọng và đúng đắn góp phần phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nông dân văn minh.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

- Kết luận số 61-KL/TW ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Ban Bí thư về Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020”; Công văn số 1577-CV/VPTW ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Ban Bí thư;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới;

- Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định số 516/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011;

- Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”;

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VIII nhiệm kỳ 2023 - 2028;

- Thông báo số 280-TB/TU ngày 16 tháng 4 năm 1996 của Thường trực Tỉnh ủy Sơn La về việc thành lập Quỹ hỗ trợ nông dân;

- Nghị quyết số 08-QĐ/TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ban chấp hành Sơn La về việc phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 216-KH/TU ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Sơn La lần thứ X, nhiệm kỳ 2023 - 2028;

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

- Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

- Quyết định số 737-QĐ-UB ngày 29 tháng 4 năm 1996 của UBND tỉnh Sơn La về việc lập Quỹ hỗ trợ nông dân.

3. Cơ sở thực tiễn

3.1. Quá trình hình thành của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La

Thực hiện chủ trương thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thủ tướng Chính phủ. Sau khi có Quyết định số 80/QĐ-HND ngày 02 tháng 3 năm 1996 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân; Thường trực Tỉnh uỷ Sơn La đã ban hành Thông báo số 280-TB/TU ngày 16 tháng 4 năm 1996 về việc thành lập Quỹ hỗ trợ nông dân. Quán triệt, triển khai tinh thần chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh uỷ Sơn La, ngày 29 tháng 4 năm 1996 UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 737-QĐ-UB về việc lập Quỹ hỗ trợ nông dân; Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; Hoạt động nghiệp vụ Quỹ Hỗ trợ nông dân thực hiện theo Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2013 và văn bản số 1396-TC/CĐKT ngày 02 tháng 5 năm 1997 của Bộ Tài chính về tài chính, kế toán; Văn bản số 773/CV ngày 26 tháng 6 năm 1996 của Ngân hàng Nhà nước ban hành về nghiệp vụ tín dụng.

Thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đã chỉ rõ: *“Bổ sung cho Quỹ Hỗ trợ nông dân, giúp nông dân có thêm nguồn lực để xây dựng và nhân rộng các mô hình xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân”*; *“Trên cơ sở tổ chức và hoạt động đã có, đổi mới Quỹ Hỗ trợ nông dân thành tổ chức trực thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có tư cách pháp nhân, có điều lệ hoạt động, có con dấu và tài khoản riêng”*. Giai đoạn năm 2011 đến năm 2020, ngân sách nhà nước đã cấp cho Quỹ Hỗ trợ nông dân, tỉnh Sơn La 09 lần với tổng số tiền 14.000 triệu đồng.

Thực hiện Công văn số 1577-CV/VPTW ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Ban Bí thư; Quyết định số 516/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011, từ năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023, hàng năm Ngân sách nhà nước tỉnh cấp bổ sung cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La 1.500 triệu đồng/năm; Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh đạt 19.169,2 triệu đồng. Thông qua hoạt động Quỹ tạo điều kiện để hội nông dân đẩy mạnh tuyên truyền, tập hợp nông dân xây dựng tổ chức hội vững mạnh, thực hiện thắng lợi các chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

3.2. Kết quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La

3.2.1. Tổ chức bộ máy

Hiện nay, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La được xây dựng, hình thành ở 2 cấp hành chính theo hệ thống tổ chức Hội Nông dân tỉnh, bao gồm: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, thuộc Hội Nông dân tỉnh Sơn La và Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân 12 huyện, thành phố.

a) Tổ chức bộ máy hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh gồm: Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát.

- Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh chỉ đạo chủ trương, định hướng hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân (*hoạt động như vai trò Hội đồng quản lý Quỹ*).

- Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: Là cơ quan tham mưu, giúp Ban Thường vụ thực hiện quản lý, điều hành hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân trong toàn hệ thống Hội của tỉnh theo các quy định hiện hành, đồng thời trực tiếp quản lý, điều hành nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh có 07 thành viên, trong đó: (*gồm 05 cán bộ, chuyên viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và 02 hợp đồng lao động*).

- Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: Là cơ quan giúp việc cho Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh trong công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát các hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh nhằm bảo đảm hoạt động Quỹ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và quy định của pháp luật; Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh gồm có 03 thành viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

b) Bộ máy hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện: 12/12 huyện có Quỹ Hỗ trợ nông dân và Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện; có dấu Quỹ Hỗ trợ nông dân để giao dịch Quỹ theo quy định của pháp luật.

c) Cấp xã: Theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân không thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp xã, Hội Nông dân cấp xã chịu trách nhiệm vận động tạo nguồn vốn; trực tiếp tổ chức các hoạt động hỗ trợ vốn, các hoạt động dịch vụ trợ giúp nông dân.

3.2.2. Hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

a) Nguồn vốn

Từ khi thành lập và hoạt động, Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Sơn La, các sở, ban ngành, cấp uỷ và chính quyền các địa phương, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh không ngừng tăng trưởng; Từ năm 2011 - 2013 QHTND tỉnh đã được cấp từ ngân sách tỉnh mỗi năm 1.500 triệu đồng. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 tổng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân toàn tỉnh đạt: 72.756,9 triệu đồng. Trong đó:

* Phân theo cấp quản lý:

- Nguồn vốn Trung ương Hội uỷ thác cho vay: 13.982,0 triệu đồng.

- Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh: 19.169,2 triệu đồng

- Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện, thành phố: 25.800,6 đồng

- Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp xã vận động: 13.805,1 triệu đồng

* Phân theo nguồn hình thành:

- Nguồn vốn Trung ương Hội uỷ thác cho vay: 13.982,0 triệu đồng

- Nguồn vốn Ngân sách địa phương cấp: 37.560,0 triệu đồng
- Nguồn vốn được ủng hộ: 20.898,4 triệu đồng
- Nguồn vốn bổ sung từ kết quả hoạt động: 316,5 triệu đồng

Toàn tỉnh có 12/12 Hội Nông dân huyện, thành phố xây dựng được Quỹ Hỗ trợ nông dân đạt mức 1 tỷ đồng trở lên; 179/199 Hội Nông dân cấp xã vận động được Quỹ Hỗ trợ nông dân.

b) Thực hiện hoạt động hỗ trợ vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh

Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh trực tiếp thực hiện thẩm định và giải ngân vốn cho các hộ vay vốn; đồng thời uỷ nhiệm một số công việc trong quy trình cho vay vốn thực hiện dự án cho Hội Nông dân các huyện, thành phố. Quy trình cho vay vốn được các cấp Hội Nông dân trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc theo đúng hướng dẫn. Các hộ vay vốn được bình xét công khai, dân chủ. Các hộ đủ điều kiện tham gia dự án vay vốn, thảo luận, xây dựng quy ước hoạt động của dự án. Các hộ vay vốn được tham gia các Hội nghị tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh... Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh tập trung hỗ trợ vốn giúp nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh theo dự án các mô hình tổ hợp tác, nhóm hộ, trang trại, nông dân chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng thương hiệu hàng hóa, sản xuất nông sản chất lượng cao, an toàn theo chuỗi giá trị, các mô hình kinh tế tập thể gắn với xây dựng tổ chức Hội Nông dân.

Từ năm 2010 đến nay, nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh đã giải ngân cho vay 108 lượt dự án với tổng số tiền vay 49.750 triệu đồng (*bao gồm nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh cho vay quay vòng và nguồn vốn mới cấp bổ sung hàng năm*) cho 1.213 lượt hộ hội viên nông dân vay vốn. Mức đầu tư cho vay một dự án từ 400 đến 800 triệu đồng. Thời gian vay tối đa là 36 tháng, mức phí thu cho vay 0,6%/tháng (7,2%/năm).

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh uỷ thác cho vay tại 12/12 huyện, thành phố; bình quân mỗi huyện, thành phố đang có dư nợ cho vay từ 2 - 3 dự án bằng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh.

3.2.3. Hiệu quả từ hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là một trong các quỹ tài chính nhà nước hoạt động hiệu quả; hỗ trợ cho vay lãi suất thấp so với lãi suất của các ngân hàng thương mại; hạn mức cho vay phù hợp với mặt bằng sản xuất kinh doanh và khả năng chi trả của đối tượng vay; thời gian cho vay phù hợp; các điều kiện, tiêu chí cho vay phù hợp, thủ tục vay vốn đơn giản, bảo đảm cho các đối tượng tiếp cận nguồn vốn vay nhanh. Tuy nguồn lực tài chính còn hạn chế nhưng Quỹ Hỗ trợ nông dân đã khẳng định là kênh tín dụng thiết thực, điểm tựa hỗ trợ vốn của nhà nông; nguồn vốn được bảo toàn và phát triển, không có nợ xấu, không có dự án phải khoanh nợ, gia hạn nợ. Hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được thể hiện qua các mặt sau:

- Hiệu quả kinh tế: Quỹ cho vay theo dự án nhóm hộ (cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, ngành nghề); đối tượng vay chủ yếu là các hộ trung bình, khá, có quyết tâm khát vọng làm giàu, nòng cốt phát huy tối đa hiệu quả vốn vay, tính tương trợ, đoàn kết giúp đỡ giữa các hộ vay, thông qua đó đã hình thành cách thức làm việc theo nhóm, thành lập các tổ hội nông dân nghề nghiệp, chi hội nông dân nghề nghiệp là nền móng vững chắc của tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, những mắt xích quan trọng của liên kết hợp tác sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị trong phát triển kinh tế nông nghiệp, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi tư duy từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế nông nghiệp vì ba mục tiêu: năng suất cao, chất lượng cao, giá trị cao. Các dự án đều sử dụng vốn vay hiệu quả, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người vay, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp, phát triển lên hợp tác xã hoạt động hiệu quả.

- Hiệu quả chính trị: Quỹ Hỗ trợ nông dân là kênh trợ vốn hữu hiệu, nơi chuyển tải kịp thời và hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đến đúng đối tượng thụ hưởng; Quỹ là công cụ, điều kiện quan trọng để Hội Nông dân thu hút, tập hợp, vận động hội viên nông dân tham gia sinh hoạt, củng cố niềm tin của hội viên với tổ chức hội; tiếp thêm nguồn lực nâng cao chất lượng công tác hội và phong trào nông dân. Nguồn vốn Quỹ đã góp phần vào thành công và lan toả phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững, trở thành điểm sáng trong đời sống kinh tế- xã hội ở nông thôn, thông qua đó đã xuất hiện nhiều tấm gương hội viên nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân Việt Nam xuất sắc ... khẳng định tổ chức hội thực sự là trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và xây dựng nông thôn mới.

- Hiệu quả xã hội: Từ việc cho vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nâng cao đời sống của nông dân, tăng thu nhập, giảm nghèo, nâng cao quy mô sản xuất và sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề và các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn; tạo thêm việc làm mới, việc làm tại chỗ, hạn chế tình trạng ly hương, giúp nông dân ổn định, yên tâm, gần bó làm giàu trên quê hương; hỗ trợ hội viên nông dân kịp thời về vốn sản xuất, kinh doanh hạn chế tình trạng “tín dụng đen” hoạt động trên địa bàn nông thôn, giảm tệ nạn xã hội góp phần ổn định chính trị, kinh tế, xã hội.

- Hiệu quả môi trường: Thông qua các dự án vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân, thực hiện chỉ tiêu thi đua hàng năm được Trung ương Hội giao hội viên nông dân tham gia sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm phải đăng ký, cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm. Hội có điều kiện tuyên truyền, theo dõi để giúp đỡ hội viên nông dân đưa các sản phẩm an toàn, chất lượng đến tay người tiêu dùng.

- Hiệu quả hoạt động tài chính: Quỹ Hỗ trợ nông dân hoạt động bảo toàn và phát triển nguồn vốn, là kênh dẫn vốn hiệu quả. Kết quả tài chính hằng năm bảo đảm theo kế hoạch, hiệu quả. Dư nợ năm sau, cao hơn năm trước, không tồn đọng vốn, không có nợ quá hạn, trích lập quỹ dự phòng bảo đảm đúng quy định, kết chuyển kinh phí bổ sung nguồn vốn. Quỹ chấp hành nghiêm túc pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn; chế độ báo cáo và giám sát tài chính.

Có thể khẳng định rằng Quỹ Hỗ trợ nông dân đã phát huy vai trò của các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong vận động hội viên nông dân tham gia phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn; nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông dân trong thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn mà cụ thể là Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn” và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phần II

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. TÊN GỌI VÀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN

1. Tên gọi và địa điểm trụ sở chính

- Tên gọi đầy đủ: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La
- Tên viết tắt: Quỹ HTND tỉnh Sơn La
- Tên giao dịch quốc tế: Son La Supporting Fund for Famers, viết tắt là SFF
- Địa chỉ trụ sở: Đặt tại cơ quan Hội Nông dân tỉnh Sơn La (*Địa chỉ: Đường Mai Đắc Bân, Tổ 2, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La*).

2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và người đại diện pháp luật

Quỹ Hỗ trợ nông dân là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Hội Nông dân Tỉnh Sơn La, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân.

Quỹ Hỗ trợ nông dân có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Người đại diện pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân là Giám đốc Quỹ.

II. NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

1. Nguyên tắc hoạt động

- Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn.
- Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ Hỗ trợ nông dân.
- Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động

- a) Hỗ trợ hội viên nông dân xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân.
- b) Tạo nguồn lực, điều kiện, công cụ để đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội, góp phần xây dựng hội và phong trào nông dân.

3. Phạm vi hoạt động

Trên phạm vi các huyện, thành phố thuộc tỉnh Sơn La có tổ chức Hội Nông dân.

III. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN

1. Chức năng, nhiệm vụ

- a) Tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Sơn La về xây dựng, quản lý, phát triển Quỹ Hỗ trợ nông dân toàn tỉnh.
- b) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước.
- c) Vận động các nguồn ủng hộ, tài trợ, viện trợ không hoàn lại cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.
- d) Cho vay vốn đối với hội viên Hội Nông dân để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh.
- đ) Nhận ủy thác cho vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- e) Ủy thác cho Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp dưới thực hiện nhiệm vụ cho vay.
- f) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ban Thường vụ, Thường trực Hội Nông dân tỉnh Sơn La giao.

2. Trách nhiệm, quyền hạn

2.1. Trách nhiệm

- a) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.
- b) Thực hiện các quy định về lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán ngân sách nhà nước đối với phần vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ nông dân.
- c) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

2.2. Quyền hạn

- a) Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.
- b) Được lựa chọn các phương án vay vốn đáp ứng đủ điều kiện để cho vay theo quy định tại Nghị định này.

c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ Hỗ trợ nông dân nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

đ) Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị, cá nhân có liên quan để vận động nguồn vốn hợp pháp tài trợ cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ Hỗ trợ nông dân gồm có:

a) Hội đồng quản lý

b) Ban Kiểm soát.

c) Ban điều hành gồm: Giám đốc, 01 (một) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

1. Hội đồng quản lý

1.1. Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh có tối đa 05 thành viên, là cán bộ Hội Nông dân tỉnh Sơn La, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, hoạt động kiêm nhiệm, gồm Chủ tịch và các thành viên.

- Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân là Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Sơn La.

- 04 thành viên Hội đồng gồm: Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; 01 lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh; Kế toán trưởng, chuyên viên ban chuyên môn, Hội Nông dân tỉnh.

- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

- Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Sơn La quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân cùng cấp là cán bộ của Hội Nông dân. Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân là đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh.

1.2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý về một trong các lĩnh vực: kinh tế; tài chính; ngân hàng; nông nghiệp và phát triển nông thôn; quản trị kinh doanh; luật; kế toán; kiểm toán.

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội Nông dân tỉnh Sơn La và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

1.3. Thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân phải có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

1.4. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La

a) Các cuộc của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được thực hiện bằng văn bản.

b) Các kết luận của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được thể hiện bằng Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản lý.

c) Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có 01 phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.

d) Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được sử dụng con dấu của Hội Nông dân tỉnh Sơn La

1.5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Sơn La về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, trung hạn và dài hạn của Quỹ Hỗ trợ nông dân, trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt.

c) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế nội bộ khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

d) Giám sát, kiểm tra Ban Điều hành của Quỹ Hỗ trợ nông dân trong việc chấp hành các chính sách pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân.

đ) Quyết định mức lãi suất cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân trong từng thời kỳ.

e) Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

g) Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Sơn La phê duyệt.

h) Trình Ban thường vụ Hội Nông dân tỉnh Sơn La quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

i) Trình Ban thường vụ Hội Nông dân tỉnh Sơn La phê duyệt phương án bố trí nhân sự để thành lập bộ máy hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

k) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.

l) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

1.6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân; phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội nông dân cùng cấp, Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân; chương trình, nội dung và tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân; việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý về nội dung liên quan đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

c) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.

d) Chỉ đạo giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

đ) Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Ban Kiểm soát Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh có tối đa 03 thành viên, gồm Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Sơn La bổ nhiệm, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

- Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân là: Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh - Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Hội Nông dân tỉnh Sơn La.

- 02 thành viên gồm: Phó trưởng Ban Xây dựng hội - Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Hội Nông dân tỉnh, Chuyên viên ban Xây dựng hội - Ủy viên Ủy ban kiểm tra Hội Nông dân tỉnh.

- Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân là 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại nhưng tối đa không quá 02 nhiệm kỳ.

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La.

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm làm việc ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh tế, luật.

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội Nông dân tỉnh Sơn La và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

2.3. Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát; trách nhiệm, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Kiểm soát Quỹ hỗ trợ nông dân; mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát Quỹ hỗ trợ nông dân với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát do Ban Thường vụ Hội Nông dân Trung ương ban hành.

2.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân.

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách chế độ, Điều lệ tổ chức, hoạt động và các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

c) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, kế hoạch tài chính và việc trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và Trung ương Hội giao.

3. Ban Điều hành

3.1. Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La có 07 - 09 người, gồm: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 01 kế toán trưởng và bộ máy giúp việc của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh (*thực hiện bố trí, sắp xếp đáp ứng yêu cầu công việc theo từng giai đoạn*).

3.2. Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân là: Phó chủ tịch Hội Nông dân tỉnh, hoặc Trưởng ban chuyên môn của Hội Nông dân tỉnh, là người đại diện theo pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La.

3.3. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành: Kinh tế, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

c) Có kinh nghiệm công tác tại Quỹ hỗ trợ nông dân ít nhất 05 năm.

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội nông dân tỉnh Sơn La quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân.

3.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La theo quy định, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân và các quyết định của Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Sơn La.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La theo thẩm quyền.

c) Trực tiếp quản lý tài sản, nguồn vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Sơn La và Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân.

d) Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

đ) Quyết định tuyển dụng nhân sự dưới hình thức hợp đồng lao động để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La.

e) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân.

3.5. Phó Giám đốc Ban Điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân

a) Phó Giám đốc là: Phó trưởng các ban chuyên môn hoặc chuyên viên chuyên viên ban chuyên môn, Hội Nông dân tỉnh; Có nhiệm vụ giúp Giám đốc điều hành hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Sơn La và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền;

b) Tiêu chuẩn, điều kiện, thẩm quyền bổ nhiệm, nhiệm kỳ và số lượng của Phó Giám đốc quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân.

3.6. Kế toán trưởng Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La

a) Kế toán trưởng là: Kế toán Hội Nông dân tỉnh hoặc thuê kế toán theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ hỗ trợ nông dân, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc giám sát tài chính tại Quỹ hỗ trợ nông dân theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

b) Kế toán trưởng Quỹ hỗ trợ nông dân phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể và thẩm quyền bổ nhiệm Kế toán trưởng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân.

3.7. Bộ máy giúp việc của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La

- Số lượng: 04 - 06 người (*Gồm: 01 thủ quỹ và từ 03 đến 05 cán bộ nghiệp vụ*), trong đó: *Cán bộ công chức ban Kinh tế - Xã hội, văn phòng cơ quan Hội Nông dân tỉnh 02 người, người lao động được Quỹ Hỗ trợ nông dân tuyển dụng dưới hình thức hợp đồng lao động là từ 02 đến 04 người (Tùy theo yêu cầu công việc từng giai đoạn, tuyển dụng hợp đồng cho phù hợp).*

- Đảm nhiệm các công việc chuyên môn, nghiệp vụ; tham mưu, giúp việc cho Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La quyết định tuyển dụng nhân sự lao động, chi trả lương theo đúng quy định của Bộ Luật lao động; được đánh giá xếp loại và khen thưởng theo Quy chế lao động, được hưởng những phúc lợi của người lao động theo đúng quy định.

- Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với bộ máy giúp việc Quỹ Hỗ trợ nông dân sau khi có sự chấp thuận của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

V. HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN SAU KHI KIẾN TOÀN

1. Vốn chủ sở hữu

Tổng số vốn chủ sở hữu hiện có đang hoạt động: **20.263,5** triệu đồng (*Hai mươi tỷ, hai trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng*), trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách cấp: 18.500,0 triệu đồng.
- Bổ sung từ kết quả hoạt động: 204,5 triệu đồng.
- Nguồn vốn tự vận động: 464,7 triệu đồng.
- Quỹ dự phòng tài chính: 1.094,3 triệu đồng.

2. Dự kiến vốn điều lệ của Quỹ năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030

Vốn điều lệ của Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh được cấp từ nguồn đầu tư công.

Khái toán tổng nguồn vốn: 59.519 triệu đồng (*Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ, năm trăm mười chín triệu đồng*), trong đó:

2.1. Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La tại thời điểm kiện toàn bộ máy tổ chức và hoạt động hiện có: 19.169 triệu đồng, gồm:

- Nguồn vốn ngân sách cấp: 18.500,0 triệu đồng.
- Bổ sung từ kết quả hoạt động: 204,5 triệu đồng
- Nguồn vốn tự vận động: 464,7 triệu đồng

2.2. Dự kiến nguồn vốn cấp mới từ nguồn vốn đầu tư công và nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động: 40.300 triệu đồng, gồm:

- Nguồn vốn ngân sách cấp mới: 40.000 triệu đồng.
- Bổ sung từ kết quả hoạt động (06 năm): 300 triệu đồng.

3. Kế hoạch vốn và sử dụng vốn năm 2025 và giai đoạn 2026 – 2030

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH					
		Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I	Tổng vốn điều lệ	25.169	32.169	39.169	46.169	53.169	59.169
1	Vốn cấp mới	6.000	7.000	7.000	7.000	7.000	6.000
2	Vốn bổ sung từ kết quả hoạt động	50	50	50	50	50	50
II	Sử dụng vốn						
1	Số dự án (DA), gồm DA đang cho vay và DA cho vay mới	250	257	264	271	278	284
2	Số hộ vay vốn (hộ)	2.500	2.570	2.564	2.634	2.704	2.764
3	Trung bình số vốn/dự án (triệu đồng)	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000

4. Khả năng vận động vốn ngoài ngân sách

Giai đoạn tiếp theo, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, tăng cường các hoạt động kêu gọi viện trợ, ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân đồng thời xây dựng kế hoạch hoạt động tài chính hiệu quả để bổ sung nguồn vốn hoạt động, chủ yếu tập trung vận động xây dựng quỹ từ các tổ chức doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ...

5. Kế hoạch tài chính năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH					
		Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I	Nguồn thu	1.819	2.327	2.834	3.342	3.850	4.285
1	Thu lãi từ hoạt động cho vay vốn (Dự kiến 0,6%/ tháng; 7,2%/ năm)	1.815	2.323	2.830	3.338	3.846	4.281
2	Thu khác	4	4	4	4	4	4
II	Chi phí	1.758	2.188	2.659	3.080	3.551	3.783
1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ: Chi phí lãi và các chi phí tương tự	967	1.238	1.509	1.780	2.051	2.283
2	Chi cho cán bộ nhân viên Quỹ: Chi tiền lương, phụ cấp cho cán bộ, người lao động...	432	450	500	600	700	700
3	Chi hoạt động quản lý và công vụ (công tác phí; điện nước, mua sắm vật tư thiết bị, VPP; cước phí bưu điện, điện thoại; hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo; công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán..)	350	500	650	700	800	800

Kết thúc năm tài chính, các khoản dư chênh thu chi, được trích lập các Quỹ theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, gồm các Quỹ sau:

- Trích vào Quỹ đầu tư phát triển.
- Trích 10% vào Quỹ dự phòng tài chính.
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động và Quỹ khen thưởng cho người quản lý.

6. Hoạt động của Quỹ

6.1. Đối tượng và điều kiện cho vay

a) Đối tượng vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân là hội viên Hội Nông dân Việt Nam có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

b) Điều kiện để được vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân:

- Khách hàng vay vốn phải thuộc đối tượng vay vốn theo quy định tại điểm a, mục 4.1 này, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Khách hàng vay vốn được UBND cấp xã xác nhận cư trú tại địa phương nơi Quỹ Hỗ trợ nông dân cho vay vốn.

- Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp.
- Phương án vay vốn của khách hàng phải được tập hợp thành phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, trên cùng một địa bàn cấp xã. Phương án vay vốn của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân được Quỹ Hỗ trợ nông dân đánh giá là khả thi, có khả năng trả được nợ vay.
- Tại một thời điểm, một khách hàng chỉ được vay vốn tại 01(một) phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân từ Quỹ Hỗ trợ nông dân.
- Các thành viên trong cùng một hộ gia đình không được phát sinh dư nợ vay tại Quỹ Hỗ trợ nông dân trong cùng một thời điểm.
- Các điều kiện cho vay khác quy định cụ thể tại quy định nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ Hỗ trợ nông dân do Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân ban hành theo quy định.

6.2. Thời hạn cho vay

a) Thời hạn cho vay đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội Nông dân Việt Nam tại Quỹ Hỗ trợ nông dân được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 05 năm (*không bao gồm thời gian gia hạn nợ*).

b) Thời gian cho vay cụ thể đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên nông dân do Quỹ Hỗ trợ nông dân xem xét, quyết định.

c) Tổng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá 1/2 thời gian cho vay tại Hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu.

6.3. Lãi suất cho vay và đồng tiền cho vay

a) Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân được xác định trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp đủ chi phí quản lý và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay.

- Căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay, Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh quyết định mức lãi suất cho vay cụ thể của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh trong từng thời kỳ.

b) Đồng tiền cho vay và thu nợ là Đồng Việt Nam (VNĐ).

6.4. Bảo đảm tiền vay

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La và khách hàng vay vốn thỏa thuận biện pháp bảo đảm tiền vay phù hợp với quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và pháp luật khác có liên quan.

b) Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La quy định cụ thể về các hình thức bảo đảm tiền vay và thẩm quyền quyết định bảo đảm tiền vay tại quy định nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ hỗ trợ nông dân.

6.5. Thẩm quyền quyết định cho vay

- Giám đốc Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La quyết định cho vay đối với phương án chung của nhóm hội viên nông dân có mức vốn vay tối đa 500 triệu đồng.

- Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La quyết định cho vay đối với phương án chung của nhóm hội viên nông dân có mức vốn vay vượt thẩm quyền quyết định của Giám đốc theo quy định, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay theo quy định nhưng tối đa 01 tỷ đồng.

- Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Sơn La xem xét phê duyệt cho vay đối với phương án chung của nhóm hội viên nông dân có mức vốn vay vượt thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh, đảm bảo đáp ứng về giới hạn cho vay theo quy định.

6.6. Giới hạn cho vay

a) Dư nợ cho vay đối với một khách hàng (hộ hội viên nông dân) tối đa 100 triệu đồng.

b) Dư nợ cho vay đối với một phương án chung của nhóm hội viên nông dân tối đa 01 (một) tỷ đồng.

c) Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định giới hạn cho vay đối với từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên nông dân vượt giới hạn cho vay quy định nêu trên.

6.7. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Thực hiện theo Điều 20 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân.

6.8. Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro cho vay

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay chịu rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay theo quy định áp dụng đối với tổ chức tài chính vi mô, phù hợp với đặc thù hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Đối với những khoản nhận uỷ thác cho vay mà Quỹ Hỗ trợ nông dân không chịu rủi ro thì không trích lập dự phòng rủi ro.

c) Tối thiểu sau 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và đã thực hiện tất cả các biện pháp xử lý rủi ro để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được nợ, căn cứ đề nghị của Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thì Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quyết định xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Ban Thường vụ Hội nông dân tỉnh sau khi báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, có ý kiến chỉ đạo.

6.9. Hội đồng xử lý rủi ro

a) Hội đồng xử lý rủi ro bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng xử lý rủi ro.

- Các thành viên gồm: Trưởng Ban kiểm soát; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ Nông dân

b) Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro

- Định kỳ hàng quý xem xét việc đánh giá phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro do Giám đốc Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh báo cáo.

- Quyết định về việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

- Quyết định phương án thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, trong đó phải xác định rõ thời gian, biện pháp để thu hồi nợ.

- Theo dõi tình hình thực hiện thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

- Chuẩn bị thủ tục, hồ sơ đề xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

- Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng xử lý rủi ro trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La ký ban hành.

7. Hoạt động nhận ủy thác

a) Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn cho vay và thu hồi nợ từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ Quỹ hỗ trợ nông dân Trung ương và từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khác có cùng đối tượng hỗ trợ tại địa phương.

b) Đồng tiền nhận ủy thác cho vay là Đồng Việt Nam (VNĐ).

c) Việc nhận ủy thác của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La với tổ chức, cá nhân ủy thác.

d) Quỹ Hỗ trợ nông dân có trách nhiệm hạch toán, theo dõi riêng vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ hỗ trợ nông dân. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ hỗ trợ nông dân phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ hỗ trợ nông dân.

đ) Đối với phương án vay vốn sử dụng nguồn vốn nhận ủy thác có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với bên ủy thác.

e) Ban Điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh ban hành quy chế nhận ủy thác quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp trong quản lý vốn nhận ủy thác cho vay và các nội dung khác theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và pháp luật liên quan.

8. Hoạt động ủy thác

a) Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh được ủy thác cho Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện thực hiện một số nhiệm vụ trong quy trình cho vay nhằm tăng cường hiệu quả quản lý vốn vay, tiết kiệm chi phí.

b) Quỹ hỗ trợ nông dân cấp huyện nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức thỏa thuận tại văn bản ủy thác đã ký giữa các bên.

c) Ban Điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh ban hành quy chế ủy thác quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp trong quản lý vốn ủy thác cho vay và các nội dung khác theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và pháp luật liên quan.

9. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Năm tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh từ ngày 01 tháng 01 đến ngày ngày 31 tháng 12 hằng năm.

c) Báo cáo tài chính năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Chế độ báo cáo

Quỹ Hỗ trợ nông dân lập và gửi các báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng, hằng năm gửi Hội Nông dân tỉnh để báo cáo UBND tỉnh và Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương, chi tiết các loại báo cáo và thời hạn báo cáo thực hiện tại Điều 37 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. HỘI NÔNG DÂN TỈNH

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát và hướng dẫn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo đúng quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chỉ đạo quản lý nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của

Chính phủ và pháp luật có liên quan, bảo đảm an toàn và phát triển vốn; vận động, phát triển nguồn vốn ngoài ngân sách để bổ sung vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

3. Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

4. Trình UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh quyết định mức vốn điều lệ của Quỹ Hỗ trợ nông dân trong từng thời kỳ sau khi có ý kiến thống nhất với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Hằng năm, báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để báo cáo HĐND tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

6. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh để giải trình với Hội đồng nhân dân tỉnh khi có yêu cầu.

7. Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm, trung hạn và dài hạn của Quỹ hỗ trợ nông dân; phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm theo quy định.

8. Bố trí nhân sự thuộc cơ quan Hội nông dân tỉnh để thành lập bộ máy hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ, Đề án tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

9. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh và các huyện, thành phố về hiệu quả hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân trên địa bàn tỉnh Sơn La.

10. Hằng năm, thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

II. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Trên cơ sở đề nghị của Hội Nông dân tỉnh, chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tỉnh, thống nhất cân đối, bố trí dự toán chi đầu tư công từ ngân sách nhà nước trình UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh quyết định cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

2. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn Ngân sách địa phương cấp cho Quỹ theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định liên quan.

III. SỞ TÀI CHÍNH

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội Nông dân tỉnh thống nhất dự toán trình UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh quyết định mức vốn điều lệ trong từng thời kỳ.

2. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo UBND để báo cáo HĐND cấp tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

3. Phối hợp với Hội Nông dân tỉnh báo cáo UBND cấp tỉnh để giải trình với HĐND tỉnh khi có yêu cầu.

IV. SỞ NỘI VỤ

Tham mưu cho UBND tỉnh về quy trình cử đại diện lãnh đạo sở ngành chuyên môn tham gia thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

V. NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH SƠN LA

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn hoàn thiện quy định, khuôn khổ pháp lý, mức lãi suất cho vay trong tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Sơn La.

VI. SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn việc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý của Quỹ Hỗ trợ nông dân, phù hợp với tính chất, mô hình tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

VII. ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

Phối hợp với Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, chỉ đạo, lựa chọn các mô hình, dự án cho vay vốn phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương, tạo làm và nâng cao thu nhập cho lao động ở nông thôn. Đồng thời phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân trên địa bàn.

VIII. QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH SƠN LA

Quản lý nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan, bảo đảm an toàn và phát triển vốn; vận động, phát triển nguồn vốn ngoài ngân sách để bổ sung vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1252/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc đính chính văn bản quy phạm pháp luật****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 250/TTr-CAT-PTM ngày 26 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La. Cụ thể:

Nội dung đã quy định:

STT	Tên huyện, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Số lượng Tổ	Số lượng thành viên
VII	Huyện Phù Yên			
20		Xã Mường Bang	04	12

STT	Tên huyện, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Số lượng Tổ	Số lượng thành viên
XII	Huyện Mường La			
16		Xã Nậm Giôn	04	12

Nội dung đính chính:

STT	Tên huyện, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Số lượng Tổ	Số lượng thành viên
VII	Huyện Phù Yên			
20		Xã Mường Bang	10	30
XII	Huyện Mường La			
16		Xã Nậm Giôn	14	42

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LACỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1252/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đính chính văn bản quy phạm pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 250/TTr-CAT-PTM ngày 26 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La. Cụ thể:

Nội dung đã quy định:

STT	Tên huyện, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Số lượng Tổ	Số lượng thành viên
VII	Huyện Phù Yên			
20		Xã Mường Bang	04	12

STT	Tên huyện, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Số lượng Tổ	Số lượng thành viên
XII	Huyện Mường La			
16		Xã Nậm Giôn	04	12

Nội dung đính chính:

STT	Tên huyện, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Số lượng Tổ	Số lượng thành viên
VII	Huyện Phù Yên			
20		Xã Mường Bang	10	30
XII	Huyện Mường La			
16		Xã Nậm Giôn	14	42

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1258/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 29 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị
thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 330/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của HĐND tỉnh Sơn La về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Sơn La số 874/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên đến năm 2035; Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 về kế hoạch tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 199/TTr-SXD ngày 19 tháng 6 năm 2024, Báo cáo thẩm định số 116/BC-SXD ngày 19 tháng 6 năm 2024 và Báo cáo số 372/BC-SXD ngày 28 tháng 6 năm 2024; Kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh khóa XV tại Báo cáo số 240/BC-VPUB ngày 28 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên đến năm 2030 (*sau đây gọi là Chương trình*), với những nội dung chính như sau:

1. Tên Chương trình: Chương trình phát triển đô thị thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên đến năm 2030.

2. Quan điểm, mục tiêu phát triển

2.1. Quan điểm

- Phát triển đô thị thị trấn Phù Yên phù hợp với định hướng quy hoạch hệ thống đô thị trong Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030 và Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phù Yên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm khai thác tối đa các động lực phát triển, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Phù Yên nhằm huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển đô thị, đảm bảo nâng cao chất lượng, diện mạo kiến trúc cảnh quan thị trấn, phân công trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân, các cơ quan liên quan đến việc phát triển thị trấn; đồng thời thực hiện các nội dung về phát triển thị trấn Phù Yên theo định hướng đô thị loại IV.

- Giải quyết khắc phục các định hướng còn yếu, thiếu của đô thị, tạo sự liên kết giữa các lĩnh vực sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai, tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái. Xây dựng đồng bộ cơ sở hạ

tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với điều kiện của đô thị miền núi, theo yêu cầu khai thác, sử dụng và chương trình phát triển của mỗi đô thị. Kết hợp chặt chẽ với việc bảo đảm an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội.

- Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu phát triển đô thị thị trấn Phù Yên đến năm 2030; cụ thể hóa theo từng năm trong giai đoạn đến năm 2025; khai thác sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực; huy động và phân bổ nguồn lực để phát triển thị trấn Phù Yên theo định hướng đô thị loại IV.

- Lồng ghép có hiệu quả với các chương trình, kế hoạch, dự án đang thực hiện hoặc đã được phê duyệt liên quan tới phát triển đô thị. Các Chương trình kế hoạch phát triển đô thị phải được tích hợp các yêu cầu về phát triển bền vững, phát triển đô thị xanh, tiết kiệm năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.2. Mục tiêu

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phù Yên huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đến năm 2035. Xây dựng thị trấn Phù Yên thành đô thị trung tâm; là động lực tăng trưởng kinh tế vùng liên huyện vùng lòng hồ Sông Đà.

- Làm cơ sở cho việc phân loại đô thị; xác định lộ trình đầu tư xây dựng khu vực phát triển đô thị; Xác định danh mục dự án hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư.

- Nhằm huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển đô thị, đảm bảo nâng cao chất lượng, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị; từng bước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kinh tế, kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn kết nối các khu vực phát triển đô thị hoàn chỉnh, thúc đẩy sự phát triển của đô thị theo từng giai đoạn phát triển, đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại V (đến năm 2025) và hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí phân loại đô thị, phấn đấu đạt tiêu chí của đô thị loại IV (đến năm 2030), phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển lâu dài trong tương lai.

3. Phạm vi, quy mô

Theo Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị trấn Phù Yên đến năm 2035 (với diện tích 1.484 ha, bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Phù Yên với diện tích 105 ha và phần mở rộng diện tích về xã Quang Huy là 905 ha, xã Huy Hạ là 63 ha, xã Huy Bắc là 411 ha).

4. Chỉ tiêu phát triển giai đoạn năm 2025 và đến năm 2030

TT	Chỉ tiêu phát triển đô thị	Đơn vị	Hiện trạng	Kế hoạch		
				Năm 2024	Đến năm 2025	Đến năm 2030
I	Nhóm tiêu chuẩn về dân số					
1	Quy mô dân	Người	23.157	25.721	26.380	29.900

TT	Chỉ tiêu phát triển đô thị	Đơn vị	Hiện trạng	Kế hoạch		
				Năm 2024	Đến năm 2025	Đến năm 2030
II	Nhóm tiêu chuẩn về mật độ dân số					
1	Mật độ dân số toàn đô thị	Người/km ²	1.560	1.733	1.777	2.014
2	Mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng đô thị	Người/km ²	12.002	11.492	10.161	6.099
III	Nhóm tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp					
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	65,80	68,46	69,83	77,10
IV	Nhóm tiêu chuẩn về nhà ở					
1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực nội thành nội thị	M ² /người	29,4	31,47	35,59	59,29
V	Nhóm tiêu chuẩn về công trình công cộng					
1	Cơ sở y tế (TT y tế chuyên sâu; bệnh viện đa khoa - chuyên khoa các cấp)	Giường/10.000 dân	130	135	140	150
VI	Nhóm tiêu chuẩn về giao thông					
1	Mật độ đường giao thông đô thị (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy ≥ 7,0m)	Km/km ²	21,86	25,61	25,61	25,61
2	Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị khu vực nội thành nội thị	%	25,35	29,70	29,70	29,70
VII	Nhóm tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng					
1	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	Kwh/người/năm	960	970	980	1000
2	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng	(%)	50	55	60	80
VIII	Nhóm tiêu chuẩn về cấp nước					
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	90	91	93	96
IX	Nhóm tiêu chuẩn về viễn thông					

TT	Chỉ tiêu phát triển đô thị	Đơn vị	Hiện trạng	Kế hoạch		
				Năm 2024	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	/100 dân	80	82	85	95
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang	%	100	100	100	100
3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn huyện	%	60	65	70	90
X	Nhóm tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải					
1	Tỷ lệ nước thải đô thị đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	0	30	40	60
2	Nhà tang lễ	Cơ sở	0	0	0	1
XI	Nhóm tiêu chuẩn cây xanh đô thị					
1	Diện tích cây xanh bình quân đầu người khu vực nội thành, nội thị	M ² /người	17,94	19,28	21,81	36,33
XII	Nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị					
1	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính	%	0	10	20	50
2	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	Dự án	3	3	3	3
XIII	Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội					
1	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	0,89	0,82	0,8	0,5

5. Các dự án trọng điểm ưu tiên

5.1. Giai đoạn đến năm 2025

(1) Lập Chương trình phát triển đô thị; Đề án phân loại đô thị.

(2) Lập Đề án điều chỉnh địa giới hành chính thị trấn.

(3) Chỉnh trang đô thị:

- Giao thông:

+ Xây dựng cầu qua suối Ngọt đoạn từ tiểu khu 6 sang tiểu khu 5 và kè suối Ngọt.

+ Nâng cấp tuyến đường Đinh Văn Tỷ đoạn từ QL 37 đến Bản Mo 1.

+ Nâng cấp tuyến đường Hoa Ban đoạn từ QL37 - trường Mầm non Thị trấn - Trường Tiểu học Thị trấn.

+ Nâng cấp tuyến đường từ Nhà văn hoá tiểu khu 5 lên Khối 8 cũ.

+ Nâng cấp tuyến đường từ Ngã tư trường Mầm non Thị trấn - Cổng chào điểm văn hoá tiểu khu 4 (cụm dân cư số 1).

+ Nâng cấp tuyến đường Võ Thị Sáu đoạn từ sau Ngân hàng Nông nghiệp đến nhà ông Nghiệp Nhân.

+ Nâng cấp tuyến đường Lý Tự Trọng (*đoạn từ QL 37 đến Trạm Khí tượng*).

+ Đường nội thị thị trấn Phù Yên đoạn từ Quốc lộ 37 (Nhà may Hòa Thuận) đi bản Mo 2, xã Quang Huy, huyện Phù Yên.

- Hạ tầng kỹ thuật khác:

+ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang nhân dân thị trấn (tại xã Huy Bắc).

+ Nâng cấp, cải tạo hệ thống điện chiếu sáng đô thị hiện có.

+ Xây dựng mới, hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng đô thị.

- Chuẩn bị kỹ thuật/Thủy lợi:

+ Hệ thống rãnh thoát nước đường Tiểu khu 7.

+ Kè suối Ngọt.

- Hạ tầng xã hội: Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng hệ thống trường học: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

5.2. Giai đoạn năm 2026 đến năm 2030

- Giao thông:

+ Cải tạo, nâng cấp đường Quốc lộ 37 qua trung tâm thị trấn.

+ Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.114.

+ Xây dựng đường trục chính thị trấn Phù Yên sau mở rộng.

+ Xây dựng, nâng cấp đường nội khu, nội bản, đường liên bản.

+ Xây dựng các công trình cầu qua suối Ngọt theo qui hoạch.

+ Xây dựng mới các tuyến đường nội thị theo qui hoạch.

- Hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng các công trình phục vụ PCCC đô thị.

- Chuẩn bị kỹ thuật/Thủy lợi:

+ San nền.

+ Cống thoát nước chính.

- + Kè suối Ngọt
 - Cấp nước:
 - + Nâng cấp Trạm cấp nước sạch suối Ngọt và Nà Xá.
 - + Nâng cấp đường ống cấp nước phân phối.
 - Thoát nước thải:
 - + Trạm XLNT GĐ1: Công suất 1800 m³/ngđ.
 - + Trạm XLNT CN: Công suất 400 m³/ngđ.
 - + Hệ thống đường cống thoát nước thải.
 - Rác thải: Dự án các điểm thu gom và vận chuyển rác thải.
 - Cấp điện:
 - + Nâng cấp, bổ sung tuyến điện 35kV.
 - + Nâng cấp, bổ sung trạm biến áp 35KV.
 - Hạ tầng xã hội:
 - + Cải tạo, xây dựng nhà văn hóa khu các tiểu khu.
 - + Xây dựng hệ thống trường học: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.
 - + Dự án sân vận động huyện.
 - + Dự án sân vận động thị trấn.
 - + Dự án nhà thi đấu đa năng.
 - + Trung tâm thương mại.
 - + Các dự án chỉnh trang đô thị và Khu dân cư mới, khu chức năng đô thị, xây dựng khu đô thị mới thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh.
 - + Các dự án cây xanh. Hoàn thiện tên đường phố, hệ thống biển báo đô thị.
 - + Trung tâm Hội nghị hành chính huyện Phù Yên.
 - + Hoàn thành các chỉ tiêu đô thị thị trấn Phù Yên là đô thị loại IV.
6. Khu vực phát triển đô thị:

- Phân khu 1: Là khu vực mở rộng đô thị về phía Đông Bắc ôm trọn các khu dân cư của xã Quang Huy hiện nay và các bản Nà Xá, bản Mo Nghè 1, bản Mo Nghè 2, Bản Cang và 1 phần của Bản Búc. Phân khu có diện tích khoảng 175,68 ha. Cải tạo chỉnh trang đối với khu vực dân cư hiện trạng, hình thành các khu vực đô thị mới gia tăng tập trung dân cư, cải thiện không gian xanh, bố trí các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thúc đẩy phát triển kinh tế.

- Phân khu 2: Là toàn bộ diện tích thị trấn Phù Yên hiện nay và phần diện tích mở rộng lấy của xã Quang Huy và xã Huy Bắc (các bản Suối Làng, Bản Mo 2 và một phần Bản Mo 1). Phân khu có diện tích khoảng 174,64 ha. Cải tạo chỉnh trang đô thị giảm tải tập trung dân cư, chỉnh trang các tuyến giao thông, cải thiện không gian xanh, bổ sung hệ thống tiện ích đô thị.

- Phân khu 3: Là khu vực mở rộng đô thị về phía Đông Nam ôm trọn khu dân cư của xã Quang Huy; một phần dân cư, đất nông nghiệp xã Huy Bắc và xã Huy Hạ hiện nay bao gồm các bản Chiềng Hạ 1, bản Chiềng Thượng, bản Chiềng Trung, bản Kim Tân, và 1 phần của Bản Búc. Hình thành các khu vực đô thị mới gia tăng tập trung dân cư, bố trí các hoạt động thúc đẩy phát triển kinh tế dịch vụ và thương mại cho huyện, kiểm soát các hệ cây xanh mặt nước đảm bảo chống úng ngập cho đô thị.

- Phân khu 4: Là khu vực mở rộng đô thị về phía Tây Nam ôm trọn khu dân cư của xã Huy Bắc và một phần dân cư, đất nông nghiệp của xã Huy Hạ hiện nay bao gồm các bản Phố, bản Nà Phái 1. Phân khu có diện tích 183,05 ha. Hình thành không gian đô thị mật độ thấp, kiểm soát gia tăng tập trung dân cư, cải thiện không gian xanh, bổ sung hệ thống tiện ích đô thị.

- Phân Khu 5: Là khu vực mở rộng của đô thị về phía Tây và Tây Bắc, là vùng đất lâm nghiệp của xã Quang Huy và Huy Bắc hiện nay. Phân khu có diện tích 722,46 ha. Hạn chế hoạt động xây dựng, phát triển các hoạt động du lịch sinh thái, kiểm soát diện tích rừng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Phù Yên

- Tổ chức thực hiện công bố và lưu trữ hồ sơ Chương trình phát triển đô thị thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên đến năm 2030 theo quy định; chịu trách nhiệm về kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng làm cơ sở xây dựng chỉ tiêu, tiêu chí phát triển đô thị và nội dung của Chương trình.

- Tổ chức thực hiện và phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan để triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình đảm bảo theo quy định của pháp luật. Giải quyết kịp thời hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Lồng ghép các nội dung của Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm trên địa bàn đặc biệt là các chỉ tiêu phát triển đô thị.

- Tập trung nguồn lực, tổ chức triển khai các chương trình, dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị, phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị gắn với thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và khả năng huy động nguồn lực từng giai đoạn và hàng năm.

- Chủ trì rà soát, xây dựng các nội dung liên quan tới công tác phân loại đô thị, lập Đề án phân loại đô thị đảm bảo theo quy định, quy hoạch và định hướng phát triển đô thị. Định kỳ hàng năm, tổ chức đánh giá hiện trạng đô thị, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Xây dựng*) định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.

2. Sở Xây dựng

- Chủ trì phối hợp với các sở, Ngành liên quan hướng dẫn UBND huyện Phù Yên thực hiện Chương trình phát triển đô thị thị trấn Phù Yên đến năm 2030 (*sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt*) và các quy hoạch theo quy định.

- Phối hợp hướng dẫn UBND huyện Phù Yên trong quá trình triển khai lập Đề án phân loại đô thị.

- Theo dõi, giám sát quá trình thực hiện Chương trình; kịp thời tham mưu, đề xuất, báo cáo UBND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung chương trình phù hợp với tình hình thực tế.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành và UBND huyện Phù Yên hoàn thiện hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn để thực hiện có hiệu quả các nội dung chương trình phát triển đô thị.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành và UBND huyện Phù Yên nghiên cứu, tham mưu đề xuất nguồn vốn cho phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng vốn ngân sách.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan nghiên cứu, tham mưu đề xuất phương án thu hút đầu tư, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác cho các hoạt động của Chương trình.

- Tham mưu với UBND tỉnh về huy động nguồn lực, ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đô thị, trong đó ưu tiên các dự án, công trình trọng điểm đáp ứng hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị đến năm 2030 theo các mục tiêu nhiệm vụ của chương trình.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND huyện Phù Yên tham mưu, đề xuất nguồn vốn cho công tác phát triển đô thị. Điều tiết nguồn vốn báo cáo HĐND - UBND tỉnh phê duyệt hằng năm, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm theo từng giai đoạn.

- Tổng hợp đề xuất, kiến nghị các ưu đãi về thuế, miễn, giảm, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt, tạo môi trường đầu tư tốt nhất cho các doanh nghiệp cũng như tạo bình đẳng, công khai, minh bạch trong đầu tư.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Xây dựng, UBND huyện Phù Yên rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng đất tại khu vực đô thị hiện hữu và các khu vực dự kiến phát triển đô thị; tham mưu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo đề nghị của UBND huyện Phù Yên.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND huyện Phù Yên thực hiện rà soát, điều chỉnh hoặc bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để bố trí quỹ đất phát triển đô thị. Giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo nguồn lực đất đai được sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hài hòa với các mục tiêu quản lý môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương xác định ranh giới, diện tích các loại đất cần được bảo vệ làm cơ sở cho phát triển đô thị.

7. Sở Giao thông vận tải

Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với UBND huyện Phù Yên, các sở, ngành liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền triển khai các dự án đầu tư xây dựng trên tuyến quốc lộ, đường tỉnh theo chương trình phát triển đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo kết nối giữa các đô thị trên địa bàn được thuận lợi và thông suốt; nâng cao hiệu quả dịch vụ vận tải trên địa bàn.

8. Các sở, ban, ngành có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn, phối hợp và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình phát triển đô thị theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phù Yên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1259/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 29 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Yên Châu,
huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 330/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của HĐND tỉnh Sơn La về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Sơn La: Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2024 phê duyệt quy hoạch chung thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu đến năm 2035; Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2023 ban hành Kế hoạch tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị thị trấn Yên Châu đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 204/TTr-SXD ngày 21 tháng 6 năm 2024, Báo cáo thẩm định số 119/BC-SXD ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Báo cáo số 371/BC-SXD ngày 28 tháng 6 năm 2024; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh Khóa XV tại Báo cáo số 241/BC-VPUB ngày 28 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2030 (*sau đây gọi là Chương trình*), với những nội dung chính như sau:

1. Tên Chương trình

Chương trình phát triển đô thị thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2030.

2. Quan điểm, mục tiêu phát triển

2.1. Quan điểm

- Phù hợp với Chương trình, Kế hoạch phát triển đô thị Quốc gia; Quy hoạch tỉnh Sơn La; Chương trình phát triển đô thị của tỉnh; Quy hoạch vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6; Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Châu đến năm 2035 và khả năng huy động nguồn lực tại địa phương.

- Sắp xếp, hình thành và phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ theo định hướng quy hoạch chung đô thị được duyệt; nâng cao nhận thức về quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với chính quyền đô thị, các cơ quan chuyên môn, cộng đồng dân cư và bảo vệ môi trường đô thị, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển đô thị bền vững.

- Phối hợp lồng ghép có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, dự án đang thực hiện hoặc đã được phê duyệt liên quan đến phát triển đô thị. Các chương trình

kế hoạch phát triển đô thị phải được tích hợp các yêu cầu về phát triển bền vững, phát triển đô thị xanh, tiết kiệm năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.2. Mục tiêu

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Châu đến năm 2035; các chỉ tiêu phát triển đô thị thị trấn Yên Châu theo tiêu chuẩn đô thị loại V cần đạt được cho giai đoạn đến năm 2025, giai đoạn đến năm 2030 và hàng năm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

- Làm cơ sở cho việc phân loại đô thị; Xác định lộ trình đầu tư xây dựng khu vực phát triển đô thị; Xác định danh mục dự án hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư nhằm kết nối các khu vực phát triển đô thị với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của đô thị phù hợp với các đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt.

- Xác định kế hoạch vốn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu mối ưu tiên phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của địa phương; Xây dựng các giải pháp về cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn hợp pháp cho đầu tư phát triển đô thị; phân công trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân, các cơ quan liên quan đến việc phát triển đô thị.

3. Phạm vi, quy mô

Theo Đồ án Quy hoạch chung thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu đến năm 2035 đã được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2024 (với quy mô khoảng 1.575,0 ha (15,75km²), bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Yên Châu hiện tại và phần mở rộng tại xã Viêng Lán và xã Sấp Vát).

4. Chỉ tiêu phát triển giai đoạn đến năm 2025 và đến năm 2030

TT	Chỉ tiêu phát triển đô thị	Đơn vị	Hiện trạng năm 2023	Đến năm 2025	Đến năm 2030
I	Nhóm tiêu chuẩn về dân số				
1	Dân số toàn đô thị	Người	9.112	10.130	13.200
II	Nhóm tiêu chuẩn về mật độ dân số				
1	Mật độ dân số toàn đô thị	Người/km ²	826	930	1.173
2	Mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng đô thị	Người/km ²	4.602	4.280	3.455
III	Nhóm tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp				
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	46,1	50,0	60,0

TT	Chỉ tiêu phát triển đô thị	Đơn vị	Hiện trạng năm 2023	Đến năm 2025	Đến năm 2030
IV	Nhóm tiêu chuẩn về nhà ở				
1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	M ² /người	26	26,5	28
V	Nhóm tiêu chuẩn về công trình công cộng				
1	Cơ sở y tế (Trung tâm y tế chuyên sâu; bệnh viện đa khoa - chuyên khoa các cấp)	Giường /10.000 dân	27	28	30
VI	Nhóm tiêu chuẩn về giao thông				
1	Công trình đầu mối giao thông	Cấp			Vùng liên huyện
2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng trong đô thị (%)	%	13,8	14,2	16,0
3	Mật độ đường giao thông đô thị (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,0m$) (km/km ²)	Km/Km ²	3,8	4,0	6,0
VII	Nhóm tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng				
1	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	Kwh/người /năm	805	900	1.200
2	Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng	%	37	50	80
VIII	Nhóm tiêu chuẩn về cấp nước				
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	%	81,5	85	100
2	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	91	93	98
IX	Nhóm tiêu chuẩn về viễn thông và công nghệ thông tin				
1	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang	%	77	85	90
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	68	85	90
X	Nhóm tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải				
1	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	0	10	70

TT	Chỉ tiêu phát triển đô thị	Đơn vị	Hiện trạng năm 2023	Đến năm 2025	Đến năm 2030
XI	Nhóm tiêu chuẩn cây xanh đô thị				
1	Đất cây xanh toàn đô thị ($m^2/người$)	$M^2/người$	2,4	4,0	8,0
2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị ($M^2/người$)	$M^2/người$	2,4	3,0	4,0
XII	Nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị				
1	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính	%	0	20	40

5. Các dự án trọng điểm ưu tiên

5.1. Giai đoạn đến năm 2025

- Lập Chương trình phát triển đô thị;
- Lập Đề án phân loại đô thị;
- Lập Đề án điều chỉnh địa giới hành chính thị trấn;
- Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị;
- Các dự án hạ tầng kỹ thuật:
 - + Giao thông: Nâng cấp đường tỉnh 103B; Xây dựng đường tỉnh 120C; Xây dựng Bến xe khách huyện; Cầu cứng qua suối Vạt xây dựng mới (03 cầu); Dự án tuyến đường dọc kè suối Vạt khu B;
 - + Cấp Nước: Dự án nâng cấp, xây dựng mới hệ thống cấp nước thị trấn Yên Châu;
 - + Thoát nước thải: Dự án thu gom xử lý nước thải thị trấn Yên Châu;
 - + Dự án kè chống sạt lở khu đô thị (kè suối Vạt, chi lưu suối Vạt);
- Các dự án hạ xã hội:
 - + Dự án xây dựng các khu đô thị;
 - + Dự án trung tâm hành chính huyện Yên Châu; Dự án trụ sở các cơ quan (*Viện kiểm sát nhân dân huyện, Tòa án nhân dân huyện, Chi cục Thi hành án dân sự huyện, Trung tâm y tế huyện, các cơ quan, ban ngành khác*);
 - + Dự án cung văn hoá thiếu nhi, thư viện;
 - + Dự án giáo dục (*xây dựng Trung tâm giáo dục thường xuyên; Xây dựng trường mầm non thị trấn; sửa chữa nâng cấp các trường học*);
 - + Dự án chợ trung tâm huyện Yên Châu;
 - + Dự án trung tâm giới thiệu các sản phẩm OCOP, chợ nông sản Yên Châu;

+ Dự án công viên, cây xanh hồ cảnh quan.

5.2. Giai đoạn đến năm 2030

5.2.1. Nhóm các dự án hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu mối

- Hạ tầng Giao thông: Đường cao tốc - CT.03 đoạn chạy qua thị trấn; Nâng cấp Quốc lộ 6, đoạn chạy qua thị trấn Yên Châu (*hoàn thiện hệ thống thoát nước, vỉa hè, chiếu sáng...*); Nâng cấp đường tỉnh 103B; Xây dựng đường tỉnh 120C; Xây dựng Bến xe khách huyện; Dự án đường dọc kè khu B-C.

- Chuẩn bị đất xây dựng: San lấp mặt bằng các dự án phát triển đô thị thuộc khu vực phát triển đô thị khoảng: 127 ha.

- Hạ tầng cấp nước: Đến năm 2030, tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng các dự án cấp nước cho các khu đô thị mới, khu dân cư mới hình thành. Đảm bảo 100% dân cư được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn và lượng cấp nước 120 lít/người/ngày. Xây dựng mạng lưới cấp nước đô thị cho các dự án phát triển đô thị, các khu dân cư và các khu vực phát triển du lịch; Nâng cấp nhà máy cấp nước Yên Châu lên 5.390 m³/ngày đêm.

- Hạ tầng thoát nước: Đến năm 2030, tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng các dự án thoát nước theo Đồ án Quy hoạch chung thị trấn Yên Châu và các đồ án quy hoạch chi tiết. Dự án kè chống sạt lở khu đô thị (kè suối Vạt, chi lưu suối Vạt).

- Hạ tầng cấp điện và chiếu sáng: Dự án nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường dây 35kV, 22kV cấp cho các trạm biến áp thị trấn Yên Châu và chiếu sáng đô thị; Xây dựng hệ thống cấp điện và chiếu sáng theo quy hoạch chi tiết được duyệt các khu đô thị.

- Hạ tầng viễn thông thụ động: Xây dựng hạ tầng viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh.

- Hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải: Dự án thu gom xử lý nước thải, công suất khoảng 4.205m³/ngđ.

- Hạ tầng xử lý chất thải rắn: Dự án khu xử lý chất thải rắn thị trấn Yên Châu quy mô 4,3ha.

- Cây xanh đô thị, bảo vệ môi trường cảnh quan: Tiếp tục đầu tư xây dựng các công viên cây xanh ở các khu đô thị mới; Lập các dự án đầu tư cải tạo và phát triển hệ thống cây xanh đô thị qua đó lựa chọn cây trồng phù hợp với khí hậu, chức năng và tính chất đô thị.

5.2.2. Nhóm các dự án hạ tầng xã hội - kinh tế

- Trụ sở cơ quan nhà nước các cấp:

+ Dự án trung tâm hành chính huyện Yên Châu;

+ Dự án nâng cấp, cải tạo trụ sở UBND thị trấn;

+ Dự án trụ sở các cơ quan (*Viện kiểm sát nhân dân huyện, Toà án nhân dân huyện, Chi cục Thi hành án dân sự huyện, Trung tâm y tế huyện, các cơ quan, ban ngành khác*);

+ Dự án trụ sở các ngành Kho bạc huyện, Ngân hàng chính sách, Công ty cổ phần dịch vụ môi trường đô thị Sơn La - Chi nhánh Yên Châu,...);

+ Dự án trụ sở công an huyện, công an PCCC.

- Giáo dục: Dự án giáo dục (*xây dựng Trung tâm Giáo dục thường xuyên; xây dựng trường mầm non thị trấn; sửa chữa nâng cấp các trường học*).

- Y tế: Dự án nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu.

- Văn hóa thể dục - thể thao:

+ Dự án Trung tâm văn hoá huyện;

+ Dự án cung văn hoá thiếu nhi, thư viện;

+ Dự án Sân thể thao cấp huyện, nhà thi đấu đa năng;

+ Nâng cấp, sửa chữa, xây mới nhà văn hóa các xóm, bản.

- Thương mại dịch vụ:

+ Dự án chợ trung tâm huyện Yên Châu;

+ Dự án trung tâm giới thiệu các sản phẩm OCOP, chợ nông sản Yên Châu;

+ Tiếp tục kêu gọi đầu tư phát triển thêm các công trình thương mại, dịch vụ thiết yếu, tài chính ngân hàng và dịch vụ du lịch.

- Nhà ở: Tập trung kêu gọi đầu tư thực hiện dự án các khu nhà ở tại các khu vực thuộc trung tâm thị trấn, chỉnh trang và xây mới các khu nhà ở còn lại.

- Phát triển các dự án khu đô thị: Phát triển mới 4 dự án khu đô thị với tổng diện tích 127 ha, bao gồm:

+ Khu đô thị số 1 (khu A) quy mô 20,5 ha;

+ Khu đô thị số 2 (khu C) với quy mô 36,5 ha;

+ Khu đô thị số 3 (tiểu khu 1) với quy mô 30,0 ha;

+ Khu đô thị số 4 (bản Mường Vạt) với quy mô 40,0 ha.

6. Khu vực phát triển đô thị

6.1. Khu vực 1: Khu đô thị hiện hữu

Có quy mô khoảng 76,0 ha bao gồm các 06 tiểu khu: tiểu khu 1, tiểu khu 2, tiểu khu 3, tiểu khu 4, tiểu khu 5, tiểu khu 6 của thị trấn và bản Khóng xã Sấp Vạt. Đây là khu vực cơ bản đã ổn định, các hoạt động tổ chức không gian chủ yếu là chỉnh trang đô thị, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật. Các định hướng phát triển không gian gồm:

- Cập nhật và đồng bộ các quy hoạch chi tiết đã và đang triển khai, bổ sung các khu vực chưa có quy hoạch chi tiết làm cơ sở chỉnh trang đô thị;
- Cải tạo chỉnh trang các tuyến phố, các không gian công cộng;
- Bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, hạn chế tác động khai thác mở rộng đất, đặc biệt là các khu vực đồi núi cao, đất rừng;
- Ổn định các khu dân cư, hoàn thiện hạ tầng đáp ứng cho nhu cầu phát triển thương mại - dịch vụ.

6.2. Khu vực 2 - Khu vực phía Tây Nam thị trấn

Có quy mô khoảng 144,0 ha, khu vực thuộc bản Kho Vàng, Huổi Qua, Mường Vạt, Nà Và xã Viêng Lán. Tổ chức không gian cho đô thị theo hướng mở mới các tuyến nhánh kết nối với Quốc lộ 6 hình thành các không gian cho phát triển đô thị. Các định hướng phát triển không gian gồm:

- Lập quy hoạch chi tiết khu đô thị;
- Phát triển các kết nối giao thông về phía Quốc lộ 6 nhằm tạo hướng mở đô thị;
- Phát triển các công trình trụ sở cơ quan, khu hỗn hợp, dịch vụ thương mại và phát triển các khu dân cư mới;
- Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị một cách đồng bộ.

6.3. Khu vực 3 - Khu vực phía Bắc thị trấn

Có quy mô khoảng 53,0 ha, khu vực thuộc bản Huổi Hẹ xã Viêng Lán. Tổ chức không gian cho đô thị theo hướng mở mới các tuyến nhánh kết nối với tuyến Quốc lộ 6 hình thành các không gian cho phát triển đô thị. Các định hướng phát triển không gian gồm:

- Lập quy hoạch chi tiết khu đô thị;
- Xây dựng khu sản xuất kinh doanh, giáo dục, quốc phòng. Phát triển các khu dân cư;
- Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị một cách đồng bộ.

6.4. Khu vực 4 - Khu vực phía Đông thị trấn

Có quy mô khoảng 77,0 ha, khu vực thuộc bản Nà Khái, Hin Nam, bản Nghè, Mệt Sai xã Sập Vạt. Tổ chức không gian cho đô thị theo hướng mở mới các tuyến nhánh kết nối với tuyến Quốc lộ 6 hình thành các không gian cho phát triển đô thị. Các định hướng phát triển không gian gồm:

- Lập quy hoạch chi tiết khu đô thị;
- Xây dựng Trụ sở các cơ quan ban ngành của huyện;
- Phát triển các khu dân cư.

6.5. Khu vực 5 - Các khu vực còn lại theo quy hoạch chung

Có quy mô khoảng 1.225,0 ha, chủ yếu là đất nông nghiệp, trong đó diện tích phát triển đô thị khoảng 40,0 ha bao gồm phát triển các khu dân cư hiện có, phát triển các khu dân cư mới. Các định hướng phát triển không gian gồm:

- Lập quy hoạch chi tiết các khu dân cư;
- Xây dựng cụm công nghiệp Sấp Vạt;
- Xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ;
- Phát triển các khu dân cư mới, chỉnh trang các khu dân cư hiện có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Yên Châu

1.1. Tổ chức thực hiện công bố và lưu trữ hồ sơ Chương trình phát triển đô thị thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu đến năm 2030 theo quy định; chịu trách nhiệm về kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng làm cơ sở xây dựng chỉ tiêu, tiêu chí phát triển đô thị và nội dung của Chương trình.

1.2. Tổ chức thực hiện và phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan để triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình đảm bảo quy định của pháp luật. Giải quyết kịp thời hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Lồng ghép các nội dung của Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm trên địa bàn đặc biệt là các chỉ tiêu phát triển đô thị.

1.3. Tập trung nguồn lực, tổ chức triển khai các chương trình, dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị, phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị gắn với thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và khả năng huy động nguồn lực từng giai đoạn và hàng năm.

1.4. Chủ trì rà soát, xây dựng các nội dung liên quan tới công tác phân loại đô thị, lập Đề án phân loại đô thị đảm bảo theo quy định, quy hoạch và định hướng phát triển đô thị. Định kỳ hàng năm, tổ chức đánh giá hiện trạng đô thị, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Xây dựng*) định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.

2. Sở Xây dựng

2.1. Chủ trì phối hợp với các Sở, Ngành liên quan hướng dẫn UBND huyện Yên Châu thực hiện Chương trình phát triển đô thị thị trấn Yên Châu đến năm 2030 và các quy hoạch theo quy định.

2.2. Phối hợp, hướng dẫn UBND huyện Yên Châu trong quá trình triển khai lập Đề án phân loại đô thị.

2.3. Theo dõi, giám sát quá trình thực hiện Chương trình; kịp thời tham mưu, đề xuất, báo cáo UBND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung chương trình phù hợp với tình hình thực tế.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành, UBND huyện Yên Châu hoàn thiện hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn để thực hiện có hiệu quả các nội dung chương trình phát triển đô thị đã đề ra.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

4.1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành và UBND huyện Yên Châu nghiên cứu, tham mưu đề xuất nguồn vốn cho phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng vốn ngân sách.

4.2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan nghiên cứu, tham mưu đề xuất phương án thu hút đầu tư, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác cho các hoạt động của Chương trình.

4.3. Tham mưu cho UBND tỉnh về huy động nguồn lực, ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đô thị, trong đó ưu tiên các dự án, công trình trọng điểm đáp ứng hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị theo các mục tiêu nhiệm vụ của chương trình.

5. Sở Tài chính

5.1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND huyện Yên Châu tham mưu nguồn vốn cho công tác phát triển đô thị. Điều tiết nguồn vốn báo cáo HĐND-UBND tỉnh Sơn La phê duyệt hằng năm, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm theo từng giai đoạn.

5.2. Tổng hợp đề xuất, kiến nghị các ưu đãi về thuế, miễn, giảm, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt, tạo môi trường đầu tư tốt nhất cho các doanh nghiệp cũng như tạo bình đẳng, công khai, minh bạch trong đầu tư.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

6.1. Phối hợp với Sở Xây dựng, UBND huyện Yên Châu rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng đất tại khu vực đô thị hiện hữu và các khu vực dự kiến phát triển đô thị; tham mưu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo đề nghị của UBND huyện Yên Châu.

6.2. Phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND huyện Yên Châu thực hiện rà soát, điều chỉnh hoặc bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để bố trí quỹ đất phát triển đô thị. Giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo nguồn lực đất đai được sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hài hòa với các mục tiêu quản lý môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

6.3. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương xác định ranh giới, diện tích các loại đất cần được bảo vệ làm cơ sở cho phát triển đô thị.

7. Sở Giao thông vận tải

Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với UBND huyện Yên Châu, các sở, ngành liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền triển khai các dự án đầu tư xây dựng trên tuyến quốc lộ, đường tỉnh theo chương trình phát triển đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo kết nối giữa các đô thị trên địa bàn được thuận lợi và thông suốt; nâng cao hiệu quả dịch vụ vận tải trên địa bàn.

8. Các sở, ban, ngành có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn, phối hợp và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình phát triển đô thị theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Yên Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1260/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 29 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị (khu vực dự kiến thành lập thị trấn Mường Giàng), huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến năm 2030****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 330/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của HĐND tỉnh Sơn La về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Sơn La số 1035/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2024 phê duyệt đề án Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai đến năm 2035; Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2024 ban hành Kế hoạch tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị khu vực dự kiến thành lập thị trấn Quỳnh Nhai đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 202/TTr-SXD ngày 19 tháng 6 năm 2024, Báo cáo thẩm định số 118/BC-SXD ngày 19 tháng 6 năm 2024 và Báo cáo số 373/BC-SXD ngày 28 tháng 6 năm 2024; Kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh khóa XV tại Báo cáo số 239/BC-VPUB ngày 28 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị (khu vực dự kiến thành lập thị trấn Mường Giàng), huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến năm 2030 (sau đây gọi là *Chương trình*), với những nội dung chính như sau:

1. Tên Chương trình

Chương trình phát triển đô thị (khu vực dự kiến thành lập thị trấn Mường Giàng), huyện Quỳnh Nhai đến năm 2030.

2. Quan điểm, mục tiêu phát triển

2.1. Quan điểm

- Phát triển đô thị Quỳnh Nhai phù hợp với định hướng quy hoạch hệ thống đô thị trong Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030 và Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai đến năm 2035 và khả năng huy động nguồn lực tại địa phương.

- Sắp xếp, hình thành và phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ theo định hướng quy hoạch chung đô thị được duyệt; nâng cao nhận thức về quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với chính quyền đô thị, các cơ quan chuyên môn, cộng đồng dân cư và bảo vệ môi trường đô thị, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển đô thị bền vững.

- Phối hợp lồng ghép có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, dự án đang thực hiện hoặc đã được phê duyệt liên quan đến phát triển đô thị. Các chương trình

kế hoạch phát triển đô thị phải được tích hợp các yêu cầu về phát triển bền vững, phát triển đô thị xanh, tiết kiệm năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.2. Mục tiêu

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai đến năm 2035; các chỉ tiêu phát triển đô thị (khu vực dự kiến thành lập thị trấn Mường Giàng) theo tiêu chuẩn đô thị loại V cần đạt được cho giai đoạn đến năm đến năm 2025, giai đoạn đến năm 2030 và hàng năm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội.

- Làm cơ sở cho việc phân loại đô thị; Xác định lộ trình đầu tư xây dựng khu vực phát triển đô thị; Xác định danh mục dự án hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư nhằm kết nối các khu vực phát triển đô thị với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của đô thị phù hợp với các đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt.

- Xác định kế hoạch vốn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu mối ưu tiên phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của địa phương; Xây dựng các giải pháp về cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn hợp pháp cho đầu tư phát triển đô thị; phân công trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân, các cơ quan liên quan đến việc phát triển đô thị.

3. Phạm vi, quy mô

Theo đồ án Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai đến năm 2035 đã được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2024 (với quy mô khoảng 6.797,48 ha bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Mường Giàng).

4. Chỉ tiêu phát triển giai đoạn đến năm 2025 và đến năm 2030

TT	Chỉ tiêu phát triển đô thị	Đơn vị	Hiện trạng năm 2023	Đến năm 2025	Đến năm 2030
I	Nhóm tiêu chuẩn về dân số				
1	Dân số toàn đô thị	Người	11.832	12.900	16.000
II	Nhóm tiêu chuẩn về mật độ dân số				
1	Mật độ dân số toàn đô thị	Người/km ²	567	580	678
2	Mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng đô thị	Người/km ²	3.843	3.380	2.245
III	Nhóm tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp				
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	59,6	61	70

TT	Chỉ tiêu phát triển đô thị	Đơn vị	Hiện trạng năm 2023	Đến năm 2025	Đến năm 2030
IV	Nhóm tiêu chuẩn về nhà ở				
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân	Mm ² /người	26,0	27,0	28
V	Nhóm tiêu chuẩn về công trình công cộng				
1	Cơ sở y tế (Trung tâm y tế chuyên sâu; bệnh viện đa khoa - chuyên khoa các cấp)	Giường /10.000 dân	28,0	28,5	30
VI	Nhóm tiêu chuẩn về giao thông				
1	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	%	8,9	10	16,0
2	Mật độ đường giao thông đô thị	Km/Km ²	4,39	4,6	6,0
VII	Nhóm tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng				
1	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	Kwh/người/năm	473	600	1.200
2	Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng	%	40	50	90
VIII	Nhóm tiêu chuẩn về cấp nước				
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	Lít/người/ngày đêm	89	92,0	100,0
2	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	86	90	95
IX	Nhóm tiêu chuẩn về viễn thông, công nghệ thông tin				
1	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	Thuê bao /100 dân	70	75	90
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang	%	85	86	90
3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	96,3	97	100
X	Nhóm tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải				
1	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	0	10	70
2	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường 9%)	%	60	70	90

TT	Chỉ tiêu phát triển đô thị	Đơn vị	Hiện trạng năm 2023	Đến năm 2025	Đến năm 2030
XI	Nhóm tiêu chuẩn cây xanh đô thị				
1	Đất cây xanh toàn đô thị (M^2 /người)	M^2 /người	9,5	9,6	10,0
1	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị (M^2 /người)	M^2 /người	3,5	3,8	5,0
XII	Nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị				
1	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính	%	0	20	40
2	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Quy chế	0	01	01

5. Các dự án trọng điểm ưu tiên

5.1. Giai đoạn đến năm 2025

- Lập Chương trình phát triển đô thị;
- Lập Đề án phân loại đô thị;
- Lập Đề án điều chỉnh địa giới hành chính thị trấn;
- Quy chế quản lý kiến trúc đô thị;
- Chỉnh trang đô thị:
- + Giao thông: Nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 6B;
- + Điện: Nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường dây 35kV, 22kV cấp cho các trạm biến áp thị trấn Quỳnh Nhai và chiếu sáng đô thị;
- + Thuỷ lợi: Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải;
- + Rác thải: Xây dựng khu xử lý rác thải, chất thải rắn;
- + Hạ tầng xã hội: Nâng cấp các trụ sở cơ quan, công trình công cộng, Sân vận động huyện và nhà thi đấu đa năng, công viên, cây xanh công cộng;
- + Viễn thông: Nâng cấp, xây dựng mới hệ thống trạm BTS, cáp thông tin;
- + Di tích: Khu dịch vụ du lịch văn hoá tâm linh Đền Linh Sơn Thủy Từ - Nàng Han.

5.2. Giai đoạn 2026 đến năm 2030

- Giao thông: Nâng cấp tuyến Quốc lộ 279 đoạn chạy qua thị trấn Quỳnh Nhai; nâng cấp đường ĐH 05 (*đường liên huyện Thuận Châu - Quỳnh Nhai*); nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường trong khu vực trung tâm và các khu ở đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng kỹ thuật.

- Hạ tầng xã hội: Đầu tư xây dựng trụ sở UBND thị trấn; xây dựng trụ sở công an huyện, công an PCCC; xây dựng cung văn hoá thiếu nhi, thư viện; xây dựng Sân vận động huyện và nhà thi đấu đa năng; nâng cấp cải tạo trụ sở cơ quan, công trình công cộng, văn hoá, y tế, giáo dục.

- Thuỷ lợi:

+ Đến năm 2030, tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng các dự án cấp nước cho các khu đô thị mới, khu dân cư mới hình thành. Đảm bảo 100% dân cư được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn và lượng cấp nước 120 lít/người/ngày. Xây dựng mạng lưới cấp nước đô thị cho các dự án phát triển đô thị, các khu dân cư và các khu vực phát triển du lịch; Nâng cấp nhà máy cấp nước Quỳnh Nhai lên 4.000m³/ngày đêm.

+ Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng các dự án thoát nước theo Đồ án Quy hoạch chung thị trấn Quỳnh Nhai và các đồ án quy hoạch chi tiết.

+ Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở khu đô thị (kè suối Lu, Phiêng Xía, Phiêng Lanh).

+ Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải giai đoạn 1, công suất khoảng 3.000m³/ngđ.

- Điện: Đầu tư xây mới trạm biến áp 110kV Quỳnh Nhai xây dựng giai đoạn đầu với công suất (1 x 25MVA); nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường dây 35kV, 22kV cấp cho các trạm biến áp thị trấn Quỳnh Nhai và chiếu sáng đô thị; Xây dựng hệ thống cấp điện và chiếu sáng theo quy hoạch chi tiết được duyệt các khu đô thị.

- Cảnh quan môi trường: Tiếp tục đầu tư xây dựng các công viên cây xanh ở các khu đô thị mới; Lập các dự án đầu tư cải tạo và phát triển hệ thống cây xanh đô thị qua đó lựa chọn cây trồng phù hợp với khí hậu, chức năng và tính chất đô thị.

6. Khu vực phát triển đô thị

6.1. Khu vực 1 (khu trung tâm hành chính huyện Quỳnh Nhai)

Khu trung tâm hành chính huyện quy mô 326 ha bao gồm các xóm 1, 2, 3, 4, 5; các bản Bung Lanh, Phiêng Nèn, Hua Chai, Đán Đanh. Đây là khu vực cơ bản đã ổn định, các hoạt động tổ chức không gia chủ yếu là chỉnh trang đô thị, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật.

6.2. Khu vực 2 (khu vực phía Tây Bắc)

Khu vực phía Tây Bắc khu trung tâm hành chính huyện có quy mô khoảng 90 ha, khu vực thuộc bản Đán Đanh và bản Mường Giàng. Tổ chức không gian cho đô thị theo hướng mở mới các tuyến nhánh kết nối với Quốc lộ 279 hình thành các không gian cho phát triển đô thị.

6.3. Khu vực 3 (khu vực phía Tây Nam)

Khu vực phía Tây Nam khu trung tâm hành chính huyện quy mô khoảng 118 ha, khu vực thuộc xóm 3, xóm 4. Tổ chức không gian đô thị theo hướng mở mới các tuyến nhánh kết nối với các tuyến đường phân khu vực hình thành các không gian cho phát triển đô thị.

6.4. Khu vực 4 (các khu vực còn lại theo quy hoạch chung)

Các khu vực còn lại theo quy hoạch chung có quy mô khoảng 6.263,48 ha, chủ yếu là đất nông nghiệp, lâm nghiệp và đồi núi. Trong đó diện tích phát triển đô thị khoảng 184 ha bao gồm phát triển các khu dân cư hiện có, phát triển các khu dân cư mới, phát triển các khu du lịch, dịch vụ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Quỳnh Nhai

- Tổ chức thực hiện công bố và lưu trữ hồ sơ Chương trình phát triển đô thị (*khu vực dự kiến thành lập thị trấn Mường Giàng*), huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến năm 2030 theo quy định; chịu trách nhiệm về kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng làm cơ sở xây dựng chỉ tiêu, tiêu chí phát triển đô thị và nội dung của Chương trình.

- Tổ chức thực hiện và phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan để triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình đảm bảo theo quy định của pháp luật. Giải quyết kịp thời hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Lồng ghép các nội dung của Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm trên địa bàn đặc biệt là các chỉ tiêu phát triển đô thị.

- Tập trung nguồn lực, tổ chức triển khai các chương trình, dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị, phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị gắn với thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và khả năng huy động nguồn lực từng giai đoạn và hàng năm.

- Chủ trì rà soát, xây dựng các nội dung liên quan tới công tác phân loại đô thị, lập Đề án phân loại đô thị đảm bảo theo quy định, quy hoạch và định hướng phát triển đô thị. Định kỳ hàng năm, tổ chức đánh giá hiện trạng đô thị, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Xây dựng*) định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.

2. Sở Xây dựng

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn UBND huyện Quỳnh Nhai thực hiện Chương trình phát triển đô thị (*khu vực dự kiến thành lập thị trấn Mường Giàng*), huyện Quỳnh Nhai đến năm 2030 (*sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt*) và các quy hoạch theo quy định.

- Theo dõi, giám sát quá trình thực hiện Chương trình; kịp thời tham mưu, đề xuất, báo cáo UBND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung chương trình phù hợp với tình hình thực tế.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành, UBND huyện Quỳnh Nhai hoàn thiện hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn để thực hiện có hiệu quả các nội dung chương trình phát triển đô thị đã đề ra.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND huyện Quỳnh Nhai nghiên cứu, tham mưu đề xuất nguồn vốn cho phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng vốn ngân sách.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan nghiên cứu, tham mưu đề xuất phương án thu hút đầu tư, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác cho các hoạt động của Chương trình.

- Tham mưu cho UBND tỉnh về huy động nguồn lực, ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đô thị, trong đó ưu tiên các dự án, công trình trọng điểm đáp ứng hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị đến năm 2030 theo các mục tiêu nhiệm vụ của chương trình.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND huyện Quỳnh Nhai tham mưu, đề xuất nguồn vốn cho công tác phát triển đô thị. Điều tiết nguồn vốn báo cáo HĐND tỉnh và UBND tỉnh Sơn La phê duyệt hằng năm, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm theo từng giai đoạn.

- Tổng hợp đề xuất, kiến nghị các ưu đãi về thuế, miễn, giảm, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt, tạo môi trường đầu tư tốt nhất cho các doanh nghiệp cũng như tạo bình đẳng, công khai, minh bạch trong đầu tư.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND huyện Quỳnh Nhai rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng đất tại khu vực đô thị hiện hữu và các khu vực dự kiến phát triển đô thị; tham mưu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo đề nghị của UBND huyện.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND huyện Quỳnh Nhai thực hiện rà soát, điều chỉnh hoặc bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để bố trí quỹ đất phát triển đô thị. Giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo nguồn lực đất đai được sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hài hòa với các mục tiêu quản lý môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương xác định ranh giới, diện tích các loại đất cần được bảo vệ làm cơ sở cho phát triển đô thị.

7. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND huyện Quỳnh Nhai tham mưu cấp có thẩm quyền triển khai các dự án đầu tư xây dựng trên tuyến quốc lộ, đường tỉnh theo chương trình phát triển đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo kết nối giữa các đô thị trên địa bàn được thuận lợi và thông suốt; nâng cao hiệu quả dịch vụ vận tải trên địa bàn.

8. Các sở, ban, ngành có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn, phối hợp và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình phát triển đô thị theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quỳnh Nhai; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com